



2020 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ELCOM CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

Trụ sở : Tòa nhà Elcom - Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tell : 024.38 359 359 - 024.3771 2222

Fax : 024.38 355 884

Website: www.elcom.com.vn



MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 4 |
| Thông điệp chủ tịch | 6 |
| Tổng quan về Elcom | 9 |
| Lịch sử hình thành phát triển | 10 |
| Lĩnh vực hoạt động chính/Ngành nghề kinh doanh | 13 |
| Các mảng giải pháp chính | 14 |
| Khách hàng, đối tác | 16 |
| Văn hóa doanh nghiệp | 18 |
| Cơ cấu quản trị và mô hình quản lý | 20 |
| Danh sách công ty con/ liên kết | 22 |
| | |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020 | 24 |
| Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật | 26 |
| Giới thiệu ban lãnh đạo | 27 |
| Thông tin về vốn, cổ phần, cổ đông | 30 |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 31 |
| | |
| III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020 VÀ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 - 2023 | 34 |
| Đánh giá chung về kết quả Công ty năm 2020 | 36 |
| Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính | 38 |
| Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty | 40 |
| Kế hoạch phát triển năm 2021 và định hướng chiến lược giai đoạn 2021 – 2023 | 40 |
| | |
| IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 42 |
| Báo cáo của hội đồng quản trị | 44 |
| Báo cáo của ban kiểm soát | 47 |
| | |
| V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 54 |

Phần 1

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2020, năm đầu tiên ELCOM được dẫn dắt bởi Ban điều hành trẻ, nhiệt huyết, am hiểu công nghệ, nhạy bén với thị trường; các sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản trị đã rút khỏi vị trí điều hành nhằm tách bạch vai trò và tăng tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cũng trong năm 2020, Công ty đã có bước chuyển mình và tăng tốc, phát huy thế mạnh công nghệ để biến nguy thành cơ khi đổi mới với đại dịch toàn cầu Covid 19.



Ông Phan Chiến Thắng
Chủ tịch HĐQT

Về kinh doanh, ELCOM hoàn thành vượt kế hoạch ở tất cả các chỉ tiêu, trong đó doanh thu và lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch lần lượt 11,1% và 24,8%, giữ vững vị thế công ty công nghệ uy tín tại Việt Nam. Trong năm qua, Công ty đã ký kết và triển khai nhiều dự án quan trọng, có giá trị lớn trong các mảng Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông vận tải; song song với việc thúc đẩy tốc độ triển khai các hợp đồng bán hàng để nhanh chóng nghiệm thu, thanh quyết toán đúng tiến độ với khách hàng.

Về công nghệ, Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu sâu công nghệ lõi IoT, AI, Big Data, Cloud (IABC).. xây dựng các nền tảng dùng chung và sản phẩm made by ELCOM có hàm lượng chất xám và giá trị kinh tế cao. Trong năm 2020, giải pháp công nghệ mới ứng dụng trong các ngành an ninh, giao thông, y tế được nghiên cứu, phát triển bởi đội ngũ chuyên gia, kỹ sư ELCOM chính thức được công bố ra thị trường đã thu hút sự chú ý và quan tâm từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, mở ra cơ hội mới với các thị trường tiềm năng.

Đội ngũ lãnh đạo trẻ trưởng thành từ ELCOM

Trong năm qua, Công ty đã thành công trong việc trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, trọng dụng nhân sự có tầm nhìn, bắt kịp với sự tiến bộ của công nghệ. Tổng Giám đốc Phạm Minh Thắng, với kinh nghiệm hơn 20 năm công tác ở vị trí quản lý tại ELCOM, đã chứng tỏ khả năng giỏi về nắm bắt công nghệ, mạnh về tập hợp lực lượng, dẫn dắt Công ty phát huy các giá trị cốt lõi, thực hiện chiến lược đề ra một cách nhanh chóng, quyết liệt hơn. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Ban điều hành đã áp dụng nhiều chương trình hành động, tiêu biểu như ứng dụng phương pháp quản trị OKR để đo lường năng suất, thúc đẩy, hợp lực sức sáng tạo của cán bộ nhân viên, góp phần tạo sức bật cho sự phát triển ELCOM trong chặng đường sắp tới.

Từ những nền tảng đã xây dựng trong năm 2020, sang năm 2021, ELCOM đặt mục tiêu tăng trưởng 14% doanh thu và 25% lợi nhuận sau thuế. Để đạt được mục tiêu này, Công ty tập trung nguồn lực cho các mảng kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu phát triển nền tảng và giải pháp sản phẩm chuyển đổi số mang giá trị thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường sức mạnh nội lực thông qua cải tiến mô hình tổ chức, quản trị bằng công nghệ, tối ưu hóa nguồn lực tạo bộ khung nhân sự vững chắc, nâng cao hiệu suất lao động của đội ngũ cán bộ nhân viên.

Dưới sự tin tưởng giao phó của Hội đồng quản trị và sự bản lĩnh, năng lực dẫn dắt của thế hệ lãnh đạo trẻ, tôi tin tưởng ELCOM sẽ xuất sắc hoàn thành các mục tiêu đặt ra cho 2021, đóng góp mạnh mẽ cho sự phát triển của ngành, để mang đến những giá trị lớn hơn cho Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên. Cuối cùng, xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn ủng hộ, tin tưởng đồng hành cùng ELCOM trong suốt chặng đường qua. Và đặc biệt cảm ơn Ban điều hành, cán bộ nhân viên ELCOM về sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng và tinh thần trách nhiệm, hết lòng vì khách hàng, vì mục tiêu phát triển bền vững cho ELCOM, cho xã hội và cộng đồng.

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch
PHAN CHIẾN THẮNG



TỔNG QUAN VỀ ELCOM

Tâm nhìn

ELCOM định hướng trở thành Tập đoàn Công nghệ Thông tin – Viễn thông tiên phong các giải pháp sản phẩm “công nghệ thông minh có tính ứng dụng thực tế cao” cho các doanh nghiệp quy mô tập đoàn, doanh nghiệp SME & các ngành kinh tế trọng điểm (Giao thông vận tải, Viễn thông, Công nghệ thông tin, Y tế, Giáo dục).

Sứ mệnh

ELCOM có sứ mệnh tạo ra những giải pháp hữu ích, tối ưu cho cuộc sống con người và cho cộng đồng, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thứ hạng cao trên bản đồ công nghệ của thế giới.

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông**
- Tên viết tắt: **ELCOM CORP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0101435127**



Vốn điều lệ

509.282.430.000 đ



Vốn chủ sở hữu

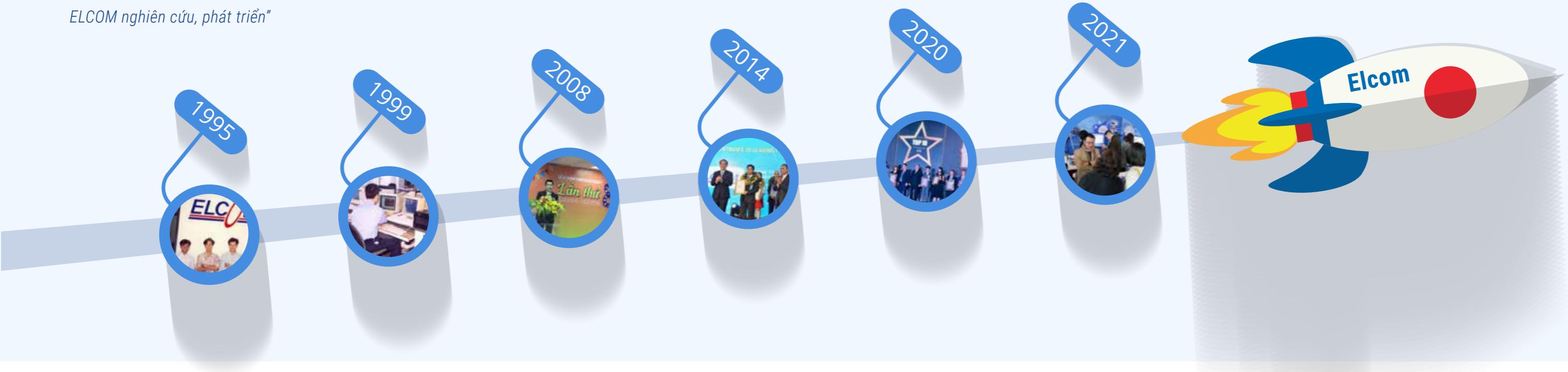
853.292.554.802 đ

Liên hệ

- 📍 Trụ sở : Tòa nhà Elcom - Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
- 📞 Tell : 024.38 359 359 - 024.3771 2222
- 📠 Fax : 024.38 355 884
- 🌐 Website: www.elcom.com.vn
- Ⓜ️ Mã cổ phiếu: ELC

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

"Thành lập ngày 15/12/1995, sau 25 năm phát triển và trưởng thành, ELCOM hiện là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với rất nhiều sản phẩm, dịch vụ có tính ứng dụng thực tế cao do chính người ELCOM nghiên cứu, phát triển"



- | | |
|---|---|
| <p>1995 Công ty TNHH Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông (ELCOM) được thành lập. Trụ sở đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội</p> <p>1998 Thành lập Trung tâm Đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)</p> <p>1999 Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho ELCOM tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam</p> <p>2001 Tăng trưởng đột biến về doanh số với mức tăng trưởng đạt 42%.</p> <p>2004 ELCOM chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELCOM JSC.) Thành lập các công ty con trực thuộc; thành lập Chi nhánh ELCOM tại Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>2006 Thành lập Công ty cổ phần Vật liệu mới (ELCOM Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite</p> <p>2007 Tăng trưởng đột biến 193,7% so với năm 2006 Chính thức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI chứng nhận và được ANAB (Hoa Kỳ) công nhận</p> | <p>2008 Trung tâm nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) chuyển đổi thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM (ESOFT)</p> <p>2010 Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM</p> <p>2011 ELCOM ký hợp đồng về hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS, ELCOM bước những bước đi mới vào thị trường giao thông</p> <p>2012 Khánh thành tòa nhà ELCOM Building tại Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội</p> <p>2013 ELCOM đã làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và Inmarsat – C, một loại vệ tinh phục vụ cho an ninh quốc phòng</p> <p>2015 Khẳng định sự thành công trong thị trường Giao thông vận tải (VTS, WIM, Thu phí, ITS) ELCOM nằm trong Top 40 doanh nghiệp CNTT hàng đầu VN; Bằng khen thủ tướng chính phủ</p> |
|---|---|

2016

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2016 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT
 ELCOM nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2016
 ELCOM chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ
 ELCOM hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường truyền trực tuyến dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến

2017

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2017 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT.
 ELCOM nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2017.
 ELCOM đứng trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) năm 2017. Lực MobiFone

2018

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2018 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT.

2020

ELCOM giành hai giải thưởng: Top 10 doanh nghiệp Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho thành phố thông minh và Top 10 Doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin do Hiệp hội Vinasa trao tặng.
 Các sản phẩm ứng dụng công nghệ IoT, AI, Bigdata, Cloud Made by ELCOM chiếm lĩnh thị trường: sản phẩm ITMon, sản phẩm Televital, Deepvision, ITS camera,

2019

Đẩy mạnh nghiên cứu các công nghệ IoT, AI, Bigdata, Cloud và các sản phẩm Made by ELCOM

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH/NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động R&D

Nghiên cứu các công nghệ nền tảng, phát huy giá trị cốt lõi là thế mạnh của ELCOM, đưa ra các platform về công nghệ lõi và công nghệ ứng dụng vào trong các sản phẩm cung cấp cho thị trường khách hàng. Đảm bảo luôn có giải pháp, công nghệ đi trước để hình thành sản phẩm đón đầu kịp thời theo xu hướng vận động của nhu cầu thị trường khách hàng.

Cung cấp giải pháp triển khai, tích hợp hệ thống hợp hệ thống

Trong suốt quá trình hoạt động, ELCOM luôn là đơn vị hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp, triển khai và tích hợp hệ thống. Các giải pháp tích hợp được kết hợp mềm dẻo và hiệu quả giữa sản phẩm của đối tác và giải pháp của ELCOM. Với thế mạnh nắm bắt kịp thời công nghệ mới và hiểu sâu về các hệ thống, công nghệ hiện tại cũng như nhu cầu khách hàng trong nước nên giải pháp triển khai tích hợp của ELCOM cung cấp đem lại lợi ích tối đa và được khách hàng đánh giá rất cao.

Cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì các hệ thống CNTT và hạ tầng truyền

Bằng kinh nghiệm triển khai rất nhiều các giải pháp, sản phẩm nền tảng về Viễn thông, Công nghệ thông tin cho nhiều thị trường khách hàng Viễn thông, ANQP, GTVT, Chính phủ. Chính vì vậy các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì các hệ thống Hạ tầng Viễn thông và CNTT luôn đạt được chất lượng cao nhất, đảm bảo an toàn hệ thống cho khách hàng.

Hoạt động thương mại, phân phối các sản phẩm dịch vụ (thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh)

Là công ty hàng đầu về công nghệ trong lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ thông tin, ... tại Việt Nam, ELCOM được các đối tác nước ngoài ưu tiên lựa chọn hợp tác để cung cấp, phân phối các sản phẩm dịch vụ vào thị trường. Với kinh nghiệm và thế mạnh của ELCOM, khách hàng luôn tin tưởng và hài lòng với các chất lượng sản phẩm, dịch vụ của ELCOM và đối tác cung cấp, triển khai.

Cung cấp các dịch vụ đến người dùng đầu cuối (end user)

Là một trong định hướng chiến lược, phát triển thành một trong các mảng mũi nhọn của ELCOM trong định hướng lâu dài, là một trong các mảng chính sẽ đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định trong tương lai. Dựa trên thế mạnh về các sản phẩm, dịch vụ hiện có, với tập khách hàng riêng, ELCOM sẽ đưa ra các giải pháp, dịch vụ cung cấp với sự khác biệt và nhiều tiện ích cho người dùng đầu cuối.

CÁC MẢNG GIẢI PHÁP CHÍNH



Giải pháp viễn thông

- BSS/OSS - Phần mềm Tính cước viễn thông và chăm sóc khách hàng
- Các giải pháp truyền dẫn: truyền dẫn vô tuyến (viba) và truyền dẫn lõi (DWDM, metro)
- Mạng lõi viễn thông & CNTT. Các giải pháp kết nối giữa mạng lõi viễn thông và ứng dụng SMPP Platform, VASplatfrm
- Dịch vụ GTGT/ Nội dung số: Ringback Tone, Mised calls Alert. Voice mail. Voice chat, Epress Call, Singnature Call, Wellcom SMS, Busy SMS, Vsingn,....
- Hệ thống đồng bộ., Vsingn,....

Giải pháp giao thông

- Các giải pháp giao thông thông minh (ITS) cho đường cao tốc, các giải pháp thu phí MTC, ETC, giải pháp cân tự động (WIM)
- Các giải pháp ITS nội đô, các giải pháp Smart City, Safe City hướng tới mục tiêu các đô thị, thành phố văn minh, tiện dụng và an toàn
- Các giải pháp VTS điều hành hành hải cho các cảng biển tại Việt Nam
- Hướng tới tạo ra hệ sinh thái giao thông thông minh có kết nối các đối tượng và giao dịch điện tử.
- Giải pháp về giám sát an ninh an toàn giao thông

Giải pháp hạ tầng CNTT

- Giải pháp hạ tầng mạng, giải pháp hệ thống máy chủ và lưu trữ
- Giải pháp Ảo hoá và điện toán đám mây
- Giải pháp Truyền thông hợp nhất
- Giải pháp An ninh, an toàn, bảo mật mạng
- Giải pháp cảnh báo, quản trị hệ thống
- Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật

Giải pháp an ninh

- Chặn thu, trinh sát, giám sát, theo dõi
- Phân tích dữ liệu, dự đoán, hỗ trợ ra quyết định
- An ninh không gian mạng
- Trung tâm phân tích thông tin/ Trung tâm chỉ huy/ Trung tâm điều hành
- Truyền dẫn, tổng đài VoIP

Giải pháp nông nghiệp CN cao

- Các giải pháp toàn diện về nhà kính từ tư vấn, thiết kế đến lắp đặt triển khai, hỗ trợ sau bán hàng, quy hoạch tổng thể farm.
- Các giải pháp điều khiển vi khí hậu, các giải pháp về tưới cho nhà kính và cánh đồng mở
- Các giải pháp về quản lý trang trại tổng thể từ trang trại đến bàn ăn, ứng dụng CNTT, IoT và điều khiển tự động, tạo hệ sinh thái, cộng đồng nông nghiệp, cung cấp dữ liệu và các dịch vụ tiện ích trên nền tảng hệ thống quản lý Farm
- Cung cấp phân phối vật tư nông nghiệp công nghệ cao.
- Thiết kế, cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ và Thi công lắp dựng Công trình Nhà màng thủy sản và bể tròn nuôi tôm

Các dịch vụ giá trị gia tăng

- Dịch vụ ngành viễn thông: Ringback Tone, Missed Call Alert, Vlive, One SMS, Mstatus, VoiceMail, Empay v.v... cung cấp cho Viettel, Vinaphone, Mobifone v.v...
- Các dịch vụ eHotel TV - Hệ thống IPTV cho khách sạn, resort; eSmile - Hệ thống đo lường chất lượng dịch vụ tức thời; eHotel Signage - Hệ thống quảng cáo quản lý từ xa và tập trung; eHotel Mobile - Giải pháp IPTV cho khách sạn, resort trên smartphone; Smart Hotel - Hệ thống quản lý và điều khiển phòng khách sạn thông minh v.v...
- eQuiz (nền tảng trò chơi giáo dục), Countify (giải pháp đếm và nhận diện khách hàng ngành bán lẻ bằng công nghệ AI, IoT, Cloud), các sản phẩm về Giáo dục và Sức khoẻ ...

KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC



Đối tác



Khách hàng

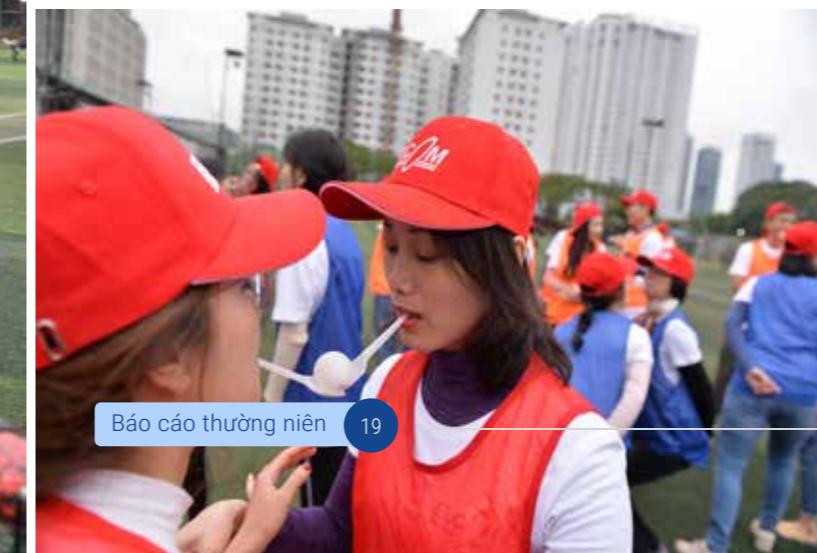


VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

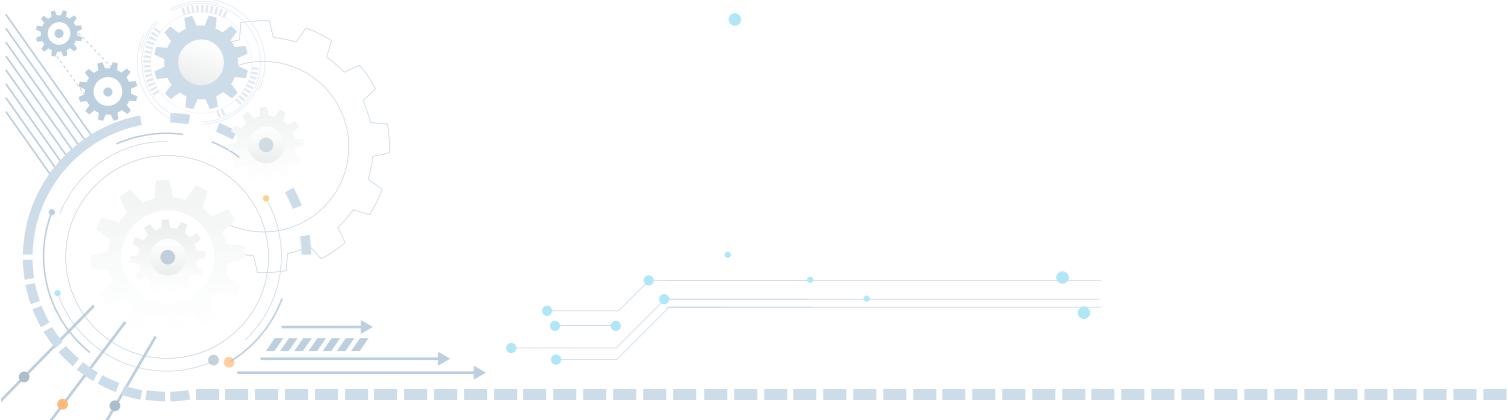
Trong bối cảnh kinh tế hội nhập như ngày nay, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp không chỉ ở sản phẩm, doanh thu hay thương hiệu mà còn trong cả Văn hóa. ELCOM hiểu rõ việc phát triển Văn hóa Doanh nghiệp là điều tất yếu, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, ELCOM đã và đang xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, môi trường làm việc cởi mở, chuyên nghiệp, hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài nhằm phát huy các giá trị nội tại hướng đến phát triển các mục tiêu chiến lược của công ty, tạo lòng tin với khách hàng, tạo sự khác biệt trên thị trường.

Văn hóa Doanh nghiệp tại ELCOM luôn được quan tâm phát triển, bám sát các giá trị cốt lõi của Công ty được gói gọn trong 4 chữ “TINH – TÂM -TRÍ – TÍN”. ELCOM định hướng cho mọi thành viên phải giữ gìn và phát huy những giá trị này trong mọi công việc, mọi hoạt động của công ty cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

Với sự đầu tư nghiêm túc trong phát triển văn hóa doanh nghiệp, ELCOM đã và đang xây dựng được hình ảnh đẹp về môi trường làm việc năng động, CBNV có đời sống tinh thần phong phú với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên, thông tin nội bộ cởi mở và thông suốt, việc đào tạo cho thế hệ trẻ và đội ngũ kế cận luôn được ưu tiên v.v...



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ



| Số thứ tự | Tên Công ty | Tỷ lệ sở hữu | Vốn điều lệ (VND) | Năm thành lập | Ngành nghề |
|-----------|---------------------------------------|--------------|-------------------|---------------|---|
| 1 | Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom | 100% | 15.000.000.000 | 2010 | Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao |
| 2 | Công ty TNHH VTS Hải Phòng | 65% | 18.542.000.000 | 2014 | Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển VTS luồng Hải Phòng |
| 3 | Công ty Cổ phần Elcom Plus | 92,86% | 15.000.000.000 | 2014 | Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng |
| 4 | Công ty Cổ phần Elcom Prime | 70% | 10.000.000.000 | 2018 | Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử |

Danh sách công ty liên kết

| Số thứ tự | Tên Công ty | Tỷ lệ biểu quyết | Vốn điều lệ (VND) | Năm thành lập | Ngành nghề |
|-----------|---|------------------|-------------------|---------------|--|
| 1 | Công ty CP máy tính và truyền thông Việt NamNam | 35,4% | 60.000.000.000 | 2004 | Tư vấn chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ cho thuê văn phòng |
| 2 | Công ty CP công nghệ vật liệu mới Bắc Kạn | 42,97% | 60.000.000.000 | 2008 | Sản xuất vật liệu công nghệ cao và khai thác khoáng sản |

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020



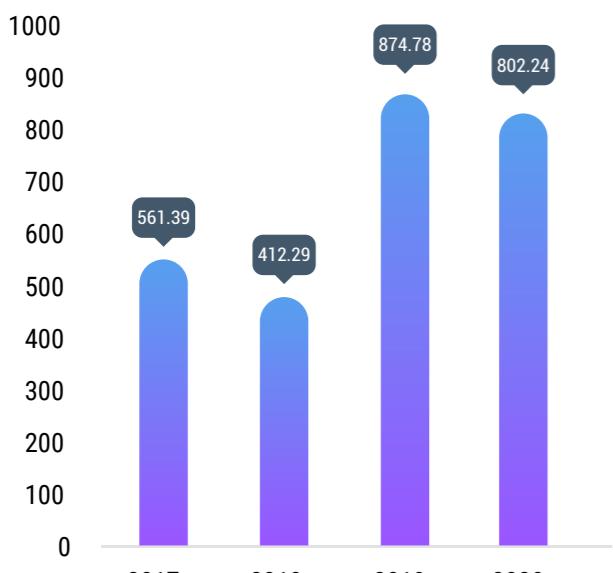
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

- Doanh thu đạt 802 tỷ đồng, hoàn thành 111,1% kế hoạch
- Lợi nhuận gộp đạt 135 tỷ đồng, vượt 13% so với cùng kỳ
- Lợi nhuận sau thuế đạt 31,2 tỷ đồng, hoàn thành 124,8% kế hoạch

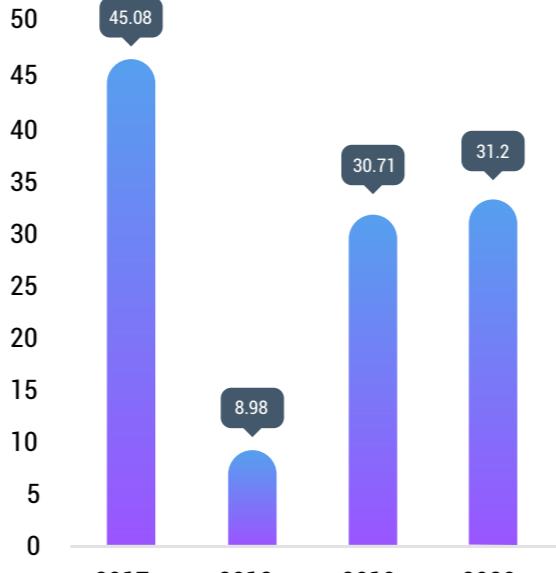
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Lợi nhuận sau thuế



Lợi nhuận gộp

BAN ĐIỀU HÀNH

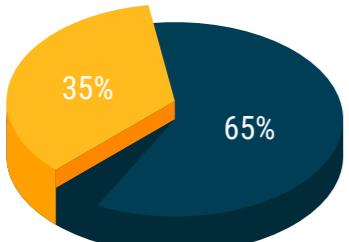


BAN KIỂM SOÁT

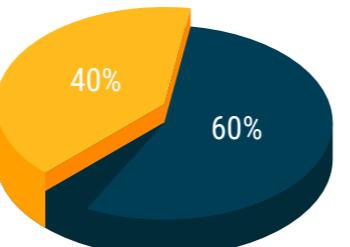


PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

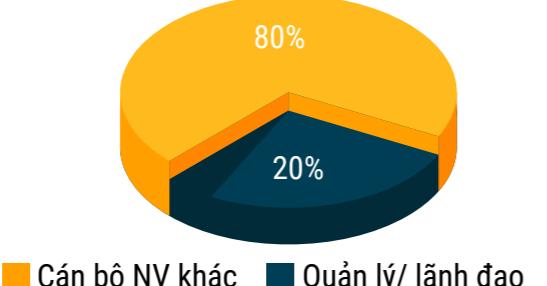
- Lực lượng lao động: Số lượng nhân sự bình quân hàng tháng (trong năm 2020): 195 cán bộ nhân viên



Lao động theo giới tính



Lao động theo giới tính



Lao động theo chức danh

- Chính sách cho người lao động:



Thu nhập: Lương (P1); Thưởng (P2, P3, P4) gắn với hiệu quả công việc, kết quả kinh doanh của Công ty

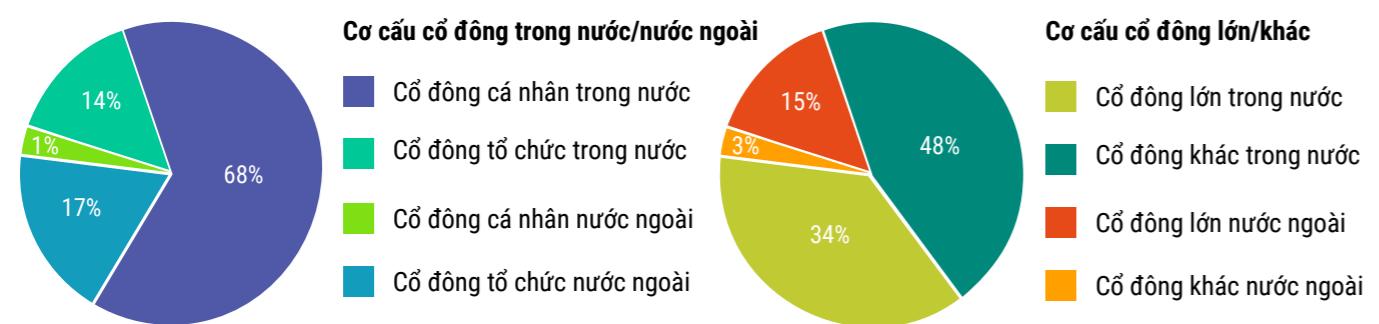


THÔNG TIN VỀ VỐN, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Thông tin về vốn, cổ phần tại thời điểm 31/12/2020:

- Vốn điều lệ: 509.282.430.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu đã phát hành: 50.928.243 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020 là 50.618.648 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2020 là 309.595 cổ phiếu. Trong năm 2020, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2020) theo tỷ lệ sở hữu



Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

| STT | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-----|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------|----------------------------|---------|------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | |
| 1 | Nguyễn Đức Nghĩa | Em trai của TV HĐQT | 182.152 | 0,36% | 2 | | Bán |
| | | Nguyễn Đức Thiện | | | | | |
| 2 | Công ty CP chứng khoán SSI | Cổ đông lớn | 8.846.641 | 17,48% | 4.058.201 | 7,97% | Bán |
| 3 | Phùng Thị Thịnh | Mẹ của TV HĐQT | 45.153 | 0,09% | 3 | | Bán |
| | | Nguyễn Mạnh Hải | | | | | |
| 4 | Nguyễn Thị Bạch Nhật | Mẹ của Chủ tịch HĐQT Phan Chiến Thắng | 185.801 | 0,36% | 1 | | Bán |

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Hoạt động cộng đồng xã hội



Là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam, bên cạnh việc tập trung nghiên cứu những sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng cao, thân thiện với môi trường, ELCOM còn luôn quan tâm tới các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện và coi đó là trách nhiệm của mình. Hàng năm ELCOM đều trích quỹ riêng để thực hiện chương trình trao học bổng cho học sinh nghèo, tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo vùng cao và cứu trợ cho đồng bào gặp thiên tai, bão lũ trong cả nước, vận động nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo, quyên góp quần áo và sách vở cũ tặng trẻ em nghèo v.v... Chủ trương của ELCOM là giáo dục và định hướng cho nhân viên của mình sống có trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Bên cạnh đó, ELCOM còn tích cực tham gia và hưởng ứng các hoạt động tiết kiệm và bảo vệ môi trường như: Hưởng ứng chiến dịch "Giờ Trái đất", kêu gọi mọi người cùng chung tay bảo vệ hành tinh, góp phần gìn giữ ngôi nhà chung của nhân loại, chương trình tiết kiệm năng lượng điện và phòng chống cháy nổ; chiến dịch bảo vệ động vật quý hiếm và nhiều hoạt động khác nữa.

Bảo vệ môi trường

- **Tác động lên môi trường:** Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp/gián tiếp

ELCOM là công ty công nghệ cao có lĩnh vực hoạt động chủ yếu về sản xuất các sản phẩm phần mềm, tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao.... Các hoạt động này không làm phát sinh các khí thải công nghiệp cũng như khí thải nhà kính

- **Tiêu thụ năng lượng:**

+ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng điện được cung cấp từ Công ty Điện lực Cầu Giấy qua trạm biến áp 1250 Kva – 22/0,4 Kv
Điện năng tiêu thụ năm 2020 là 615.600 KW, trung bình 51.300 kw/tháng.

Tổng chi phí sử dụng điện: 1.415.343.952 vnđ

+ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế và tiết giảm lượng điện tiêu thụ: lập lịch bật tắt các hệ thống kỹ thuật để tắt khi không sử dụng: điều hòa, hệ thống quạt thông gió ở hầm, hút mùi wc, hưởng ứng giờ trái đất, thay thế các đèn chiếu sáng trong văn phòng từ bóng huỳnh quang sang đèn led để tăng độ sáng và giảm điện năng tổn hao.....

- **Tiêu thụ nước:**

+ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước từ Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội – Xí nghiệp KDNS Cầu Giấy.

Lượng nước sử dụng năm 2020: 3.674 m³, trung bình 306 m³/tháng, khoảng 10m³/ngày.

Tổng chi phí sử dụng nước cả năm: 84.404.110 vnđ, trung bình 7.033.676đ/ tháng.

+ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử

Lượng nước thải của tòa nhà bao gồm nước thải từ lavarbo, thoát sàn, chậu tiểu, bệ xí được thu gom bằng đường ống thoát nước, sau đó chảy vào bể tự hoại để xử lý sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và không tái chế lại.

- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và không nhận được bất kỳ yêu cầu khắc phục nào của cơ quan, thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.



Phần 3

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020 VÀ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 - 2023



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

- Đánh giá chung về kết quả Công ty năm 2020

Năm 2020 là một năm nhiều biến động với tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế thế giới. Ở trong nước, mặc dù đã khống chế và kiểm soát được dịch bệnh tốt hơn nhiều nước trên thế giới, nhưng với các nhiều đợt bùng phát cùng những ảnh hưởng của kinh tế thế giới đã kéo theo những ảnh hưởng không hề nhỏ tới thị trường và các doanh nghiệp trong hầu hết các lĩnh vực.

Trong bối cảnh đó, Elcom đã có những ứng biến linh hoạt để không chỉ duy trì được hoạt động kinh doanh mà còn đạt được những kết quả khả quan, với việc hoàn thành vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2020 (Tỷ đồng) | Thực hiện 2020 (Tỷ đồng) | Tỷ lệ hoàn thành (%) |
|--------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần | 722 | 802,2 | 111,1% |
| Lợi nhuận sau thuế | 25 | 31,2 | 124,8% |

Kết quả kinh doanh năm 2020 đều hoàn thành vượt kế hoạch ở tất cả các chỉ tiêu, trong đó doanh thu vượt 11,1%, Lợi nhuận sau thuế vượt 24,8%. So với năm 2019, kết quả kinh doanh tuy giảm về doanh thu nhưng tăng về lợi nhuận, điều này phù hợp với định hướng chiến lược của công ty là ưu tiên tập trung vào hiệu quả hơn là quy mô doanh số, để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả. Với kết quả của năm 2020, đà tăng trưởng trong chu kỳ mới từ 2018 đến nay vẫn tiếp tục được duy trì với mức độ ổn định và bền vững hơn. Với những kết quả đã đạt được trong năm 2020 cả về mặt sản xuất kinh doanh, nghiên cứu phát triển và quản trị hoạt động, Công ty đã và đang thực hiện theo đúng định hướng chiến lược giai đoạn 2019-2021 đã đề ra.

Kết quả kinh doanh trên của Công ty đến từ 3 mảng thị trường chính là Viễn thông, Giao thông thông minh và An ninh quốc phòng

Mảng thị trường Viễn thông: là mảng truyền thống đã mang lại kết quả kinh doanh lớn cho công ty trong giai đoạn trước. Sau những bước chững lại của thị trường cũng như những khó khăn, biến động khách quan từ thị trường, khách hàng khiến cho mảng viễn thông gặp nhiều khó khăn, thì đến năm 2020, ELCOM đã vực lại được mảng thị trường truyền thống này của mình. Với những chuyển hướng về định hướng chiến lược, và việc triển khai quyết liệt để củng cố lại thị trường, khách hàng, phát triển giải pháp sản phẩm chiến lược,...ELCOM đã nắm bắt được những cơ hội khi tình hình thị trường và khách hàng ổn định, nhu cầu đầu tư của khách hàng để phát triển kinh doanh tăng cao theo những xu hướng mới của thị trường. Kết quả kinh doanh của mảng trong 2020 tăng mạnh so với năm 2019 và đóng góp lớn vào trong KQKD công ty, mở đầu cho giai đoạn bắt đầu hồi phục

của mảng thị trường truyền thống. Bên cạnh các giải pháp sản phẩm truyền thống như hệ thống SMPP GW, hệ thống CRBT, hệ thống MCA, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao, Elcom sẽ tập trung mũi nhọn vào các mảng giải pháp sản phẩm Telco core, Transport, Synchronization, VAS,... Trước những xu thế mới của Viễn thông như việc triển khai 4G TDD, 5G, MEC,.. sẽ được triển khai trên diện rộng kéo theo đó là hàng loạt các đầu tư về mặt hạ tầng đi kèm bao gồm truyền dẫn DWDM, IPxhaul, đồng bộ cùng các xu thế về IoT, eSIM, AR/VR cũng như việc chuyển đổi số trong ngành viễn thông tạo ra tiềm năng và cơ hội rất lớn.

Cùng chiến lược phù hợp và sự chuẩn bị đầy đủ của ELCOM cho thị trường, trong những năm tiếp theo, mảng thị trường Viễn thông kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng và đóng góp cao hơn nữa vào kết quả công ty.

Mảng thị trường Giao thông thông minh: Trong năm 2020, tiếp đà của 2019, mảng Giao thông thông minh đã tiếp tục mở rộng và triển khai các dự án cung cấp các giải pháp sản phẩm về thu phí (ETC, MTC,..) ở hàng loạt các trạm, trên khắp các quốc lộ trải dài từ Nam tới Bắc. Không những thế, các dòng giải pháp sản phẩm chiến lược đón xu thế mới là giám sát an ninh trật tự, giám sát an ninh xử phạt, Optimization Store Video and searching, Giải pháp điều hành cao tốc (ITS cao tốc), Giải pháp điều hành nội đô (ITS nội đô),...sau thời gian nghiên cứu, thử nghiệm và đặt chân vào thị trường thành công, thì đến năm 2020 đã mang lại những kết quả đáng mong đợi khi đã liên tiếp được mở rộng, triển khai tiếp ở nhiều khách hàng, tỉnh/ thành. Kết quả kinh doanh của mảng Giao thông tiếp tục tăng trưởng so với năm trước và đóng góp cao thứ hai trong kết quả kinh doanh của công ty sau mảng viễn thông. Cùng với những kết quả nghiên cứu liên tục được hoàn thiện, bổ sung từ đội ngũ R&D về các xu thế công nghệ mới và ứng dụng vào các giải pháp sản phẩm cho thị trường giao thông nói chung và các mảng khác của ELCOM nói riêng, trong các năm tới, ELCOM tự tin sẽ là một trong những doanh nghiệp đón đầu được cơ hội và xu thế mới trong mảng giao thông thông minh.

Mảng An ninh quốc phòng: vẫn luôn là mảng kinh doanh duy trì được kết quả và sự đóng góp ổn định trong cơ cấu kinh doanh của Công ty qua các năm, năm 2020, An ninh quốc phòng tiếp tục duy trì sự ổn định về thị trường, khách hàng và doanh số, lợi nhuận mang lại. Tiếp nối từ những tiền đề thị trường, khách hàng và uy tín, vị thế đã có, cùng với các giải pháp sản phẩm ELCOM đã nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại thành công, năm 2020 các giải pháp sản phẩm chiến lược cho thị trường An ninh quốc phòng như VSAT, giải pháp giám sát an toàn an ninh, giải pháp sản phẩm chuyên dụng,...đã tiếp tục được triển khai, mở rộng tới các khách hàng trọng điểm. Bên cạnh đó, các giải pháp chiến lược mới cho thị trường đặc thù này vẫn luôn được Elcom tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm theo định hướng chiến lược của Công ty để đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời tạo ra những GPSP tiên phong, đi đầu, tiếp nối những GPSP tiêu biểu hiện có cho mảng thị trường này của Elcom. Về mặt nghiên cứu, phát triển công nghệ (R&D) và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ, là một doanh nghiệp công nghệ hàng đầu, với định hướng tập trung vào giải pháp sản phẩm để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, thị trường, Công tác R&D vẫn luôn được chú trọng đầu tư và ưu tiên hàng đầu ở Elcom. Trong năm 2020, Elcom đã làm chủ các công nghệ mới nhất hiện nay như Ai, Bigdata, IoT, Cloud. Elcom đã phát triển xong các dòng sản phẩm chiến lược mới và đã/đang trong quá trình thương mại hóa và phát triển nâng cao để phục vụ cho các mảng thị trường theo định hướng chiến lược của Công ty. Điển hình như các sản phẩm về AI ứng dụng trong dòng sản phẩm thu phí tự động ETC, dòng sản phẩm giám sát xử phạt/xử phạt ngoại tự động, dòng sản phẩm

ITS, dòng sản phẩm giám sát an ninh tự động, dòng sản phẩm camera AI và một số dòng sản phẩm dưới dạng nền tảng dịch vụ sẽ được thương mại hóa trong năm 2021. Các dòng sản phẩm chiến lược của Elcom đang tập trung đều là những dòng sản phẩm mà nhu cầu thị trường/khách hàng giai đoạn sắp tới được đánh giá sẽ rất lớn.

Về mặt cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị hoạt động năm 2020, Công ty đã thực hiện xong tái cấu trúc tổ chức giai đoạn 2019 - 2020, với mô hình hoạt động tối ưu, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh và định hướng chiến lược. Bên cạnh đó, về mặt quản trị, Công ty đã thay đổi cơ chế chính sách và quản trị bằng hệ thống, ứng dụng phương pháp OKR; trao quyền chủ động đến các cá nhân có năng lực dựa trên nguyên tắc Budgeting, trách nhiệm, hiệu quả để tạo sự chủ động, trách nhiệm, nâng cao hiệu quả và hướng tới đạt được mục tiêu tăng trưởng, phát triển cao trong giai đoạn sắp tới, đồng thời tạo ra đội ngũ chất lượng cao, tin cậy, chủ động và gắn kết.

Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính

- Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu chính | Năm 2019 | Năm 2020 | % Tăng/Giảm (+/-) |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1,413,356,373,192 | 1,498,158,003,996 | 6.00% |
| Doanh thu thuần | 874,759,639,628 | 802,233,440,162 | -8.29% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 119,750,300,999 | 135,376,160,212 | 13.05% |
| Lợi nhuận trước thuế | 39,083,062,116 | 40,257,374,741 | 3.00% |
| Lợi nhuận sau thuế | 30,711,481,935 | 31,199,342,481 | 1.59% |
| Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ | 29,860,674,215 | 31,802,656,256 | 6.50% |

- Chỉ tiêu về tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu chính | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|----------|----------|
| 1. Khả năng thanh toán | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1.97 | 1.90 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 1.58 | 1.53 |
| 2. Cơ cấu vốn | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0.42 | 0.43 |
| - Hệ số nợ/Vốn CSH | 0.72 | 0.76 |
| 3. Năng lực hoạt động | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 1.13 | 0.89 |
| - Vòng quay công nợ phải thu | 0.33 | 0.27 |
| - Doanh thu thuần/tổng tài sản | 0.62 | 0.54 |
| 4. Khả năng sinh lời | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 3.41% | 3.96% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | 3.63% | 3.73% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 2.11% | 2.12% |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 3.93% | 4.90% |

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng tài sản: 1.498 tỷ đồng
- Doanh thu thuần: 802,2 tỷ đồng, hoàn thành 111,1% so với kế hoạch năm 2020 đã đặt ra.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 31,2 tỷ đồng, hoàn thành 124,8 % so với kế hoạch năm 2020 đã đặt ra
(Theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty)

Nhìn chung kết quả kinh doanh của Công ty hai năm gần đây (năm 2019 và 2020) cho thấy tốc độ tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã ổn định và bền vững hơn. Năm 2020 vừa qua đại dịch COVID-19 gây nhiều tác động tiêu cực chưa từng có tiền lệ lên nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo công ty đã rất nỗ lực và thận trọng trong việc tìm kiếm các giải pháp để hạn chế những rủi ro của dịch bệnh và các khó khăn chung của nền kinh tế, đồng thời phát huy các thế mạnh kinh doanh của một công ty công nghệ nhằm triển khai và thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Kết quả là, doanh thu của Công ty đã vượt 11% và lợi nhuận sau thuế đã vượt gần 25% so với kế hoạch đã đặt ra.

Kế hoạch phát triển năm 2021 và định hướng chiến lược giai đoạn 2021 – 2023

① Kế hoạch phát triển năm 2021

Mục tiêu kinh doanh:

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của các mảng kinh doanh chính từ 20%-25% so với năm 2020 (mảng B1)
- Mảng dịch vụ online (B3): ra mắt 03 dịch vụ có doanh thu khoảng 50 tỷ và sở hữu tập khách hàng sử dụng dịch vụ.
- Mảng chuyển đổi số (B2): nghiên cứu được 01 dòng giải pháp sản phẩm chuyển đổi số có thể thương mại năm 2022.

Mục tiêu tổ chức, quản trị:

- Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty
- Tiếp tục cải tiến mô hình tổ chức, tối ưu hóa nguồn lực tại các vị trí công việc quan trọng, chủ chốt để tạo bộ khung nhân sự vững chắc, nâng cao hiệu suất lao động của đội ngũ cán bộ nhân viên.
- Tiếp tục áp dụng OKR đồng bộ, hiệu quả toàn công ty.

Mục tiêu công nghệ, sản phẩm:

- Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn các công nghệ nền tảng để làm chủ, ứng dụng phát triển sản phẩm. Phát triển chuyên sâu các sản phẩm cho các mảng ANQP, giao thông vận tải cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Sản xuất các sản phẩm tăng tính trải nghiệm cho các khách hàng cá nhân.
- Thương mại hóa, cung cấp ra thị trường ít nhất 03 dòng sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh công tác marketing nhằm giới thiệu sản phẩm, công nghệ made by ELCOM ra thị trường.

Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Với các mục tiêu trên, Hội đồng quản trị ELCOM đã đặt ra một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2021 (Tỷ đồng) | Tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ (%) |
|-------------------------|--------------------------------|---|
| Doanh thu thuần | 915 | 14% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 39 | 25% |
| Cổ tức | 10% | |

② Định hướng chiến lược 2021 - 2023

- ELCOM sẽ phát triển và tăng trưởng tập trung, ổn định ở ngưỡng doanh thu trên 1000 tỷ đồng.
- Có các dòng sản phẩm giá trị made by ELCOM, dài hạn trong nước luôn ở top 3 và cung cấp ra thị trường nước ngoài.
- Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận sẽ dịch chuyển do có thêm sự đóng góp của dòng sản phẩm CNTT chuyển đổi số (B2) và dịch vụ trực tuyến (B3)
- Hoàn thành thủ tục và tiến hành khởi công xây dựng toà nhà ở 18 Nguyễn Chí Thanh - Ba Đình - Hà Nội
- Quản trị theo OKR, tăng tính kỷ luật và đào tạo bộ máy kế cận trẻ, có chất lượng, năng suất lao động cao.



Phần 4

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT ELCOM gồm có 07 thành viên, trong có 01 thành viên Nguyễn Thị Thanh Thủy được bầu thay thế thành viên Nguyễn Trung Kiên từ ngày 28/4/2020. Các thành viên HĐQT ELCOM là những người có năng lực, trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với Công ty.

Từ tháng 4/2020, ELCOM đã tách bạch vai trò của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty. Đồng thời với việc hai thành viên sáng lập là thành viên HĐQT cũng rút khỏi Ban điều hành Công ty trước đó đã phân chia trách nhiệm và đảm bảo tính độc lập trong hoạt động giữa HĐQT và Ban Điều hành. Công ty đã tuân thủ theo quy định của pháp luật về số lượng thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT.

Danh sách các thành viên HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|--------------------------|--|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Phan Chiến Thắng | Chủ tịch HĐQT- Thành viên HĐQT không điều hành | 24/04/2017 | |
| 2 | Ông Trần Hùng Giang | Thành viên HĐQT không điều hành | 24/04/2017 | |
| 3 | Ông Nguyễn Mạnh Hải | Thành viên HĐQT không điều hành | 24/04/2017 | |
| 4 | Ông Nguyễn Đức Thiện | Thành viên HĐQT không điều hành | 24/04/2017 | |
| 5 | Ông Ngô Ngọc Hà | Thành viên HĐQT kiêm điều hành | 24/04/2017 | |
| 6 | Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT độc lập | 28/04/2020 (bầu từ ngày 28/04/2020 thay thế ông Nguyễn Trung Kiên) | |
| 7 | Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT độc lập | 23/04/2018 | |

Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------------|---------------|---------------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Ông Phan Chiến Thắng | Chủ tịch HĐQT | 10 | 100% | |
| 2 | Ông Trần Hùng Giang | Thành viên | 10 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Mạnh Hải | Thành viên | 10 | 100% | |
| 4 | Ông Ngô Ngọc Hà | Thành viên | 10 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Đức Thiện | Thành viên | 10 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên | 3 | 30% | Miễn nhiệm ngày 28/04/2020 |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên | 7 | 70% | Trúng cử ngày 28/04/2020 |
| 8 | Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên | 10 | 100% | |

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trong năm qua, HĐQT đã có những quyết sách chỉ đạo nhằm ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như giám sát Ban điều hành như sau:

- + Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thông qua;
- + Chỉ đạo, đốc thúc Ban điều hành tăng cường triển khai các dự án theo đúng tiến độ, phát triển thị trường, khách hàng theo đúng định hướng chiến lược của Công ty.
- + Chỉ đạo việc hoàn thành và công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- + Chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- + Bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới: tháng 4/2020, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Phạm Minh Thắng giữ chức vụ Tổng Giám đốc ELCOM CORP và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Việc tách biệt các vai trò sở hữu và quản lý cũng như tăng cường trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã góp phần xây dựng mô hình quản trị hiệu quả, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới.
- + Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh;
- + Áp dụng công cụ, số hóa và phương pháp quản trị theo mục tiêu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu suất làm việc của bộ máy tổ chức;

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020;

+ Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Các tiểu ban Hội đồng quản trị đã tham gia tư vấn, giám sát, tham mưu cho Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------|------------|---|
| 01 | 01-02/2020/NQ-HĐQT | 14/02/2020 | Thông qua việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng |
| 02 | 02-02/2020/NQ-HĐQT | 28/02/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2020 |
| 03 | 02-04/2020/NQ-HĐQT | 27/04/2020 | Thông qua bổ nhiệm Tổng Giám đốc Phạm Minh Thắng |
| 04 | 01-05/2020/NQ-HĐQT | 12/05/2020 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng MB |
| 05 | 02-05/2020/NQ-HĐQT | 25/05/2020 | Thông qua thay thế tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng |
| 06 | 01-06/2020/NQ-HĐQT | 26/06/2020 | Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 |
| 07 | 02-06/2020/NQ-HĐQT | 26/06/2020 | Thông qua triển khai việc chi trả thù lao cho Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị. |
| 08 | 01-09/2020/NQ-HĐQT | 08/09/2020 | Thông qua bổ sung tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại Ngân hàng MB |
| 09 | 01-10/2020/NQ-HĐQT | 13/10/2020 | Thông qua chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại tỉnh Lâm Đồng |
| 10 | 01-12/2020/NQ-HĐQT | 25/12/2020 | Thông qua cử người đại diện để mở tài khoản ngân hàng tại Vietcombank |

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

- Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện các công việc theo phân công nhiệm vụ như sau:
 - Bà Ngô Kiều Anh - Trưởng BKS: Phụ trách chung và phụ trách kiểm soát về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ;
 - Bà Vũ Thị Ngân Hà - Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về pháp chế, tuân thủ, quản trị rủi ro;
 - Bà Hoàng Thị Phương Thúy - Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về công tác quản trị điều hành, chính sách, đai ngộ.
- Năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành 3 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát. Các công việc Ban kiểm soát đã thực hiện:
 - Xây dựng kế hoạch công tác của BKS;
 - Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét BCTC bán niên và BCTC năm.
 - Xem xét tình hình quản lý công nợ, tài sản và các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết, đầu tư khác để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
 - Kiểm tra định kỳ về hoạt động kinh doanh và BCTC của Công ty 6 tháng/lần và lập biên bản họp BKS, báo cáo HĐQT về kết quả kiểm tra.
 - Cử đại diện tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp luật.
 - Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

II. Về giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD:

- Hoạt động của Công ty trong năm 2020 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Công ty đã thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2020.
- Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2020.
- Công ty đã thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ phù hợp với nội dung bổ sung ngành nghề theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2020.
- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng phương án phân chia đã được ĐHCĐ theo thông qua tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 28/04/2020.

III. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2020, HĐQT đã họp và thông qua Nghị quyết về các vấn đề:
 - + Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020;
 - + Thông qua bổ nhiệm Tổng Giám đốc Phạm Minh Thắng;
 - + Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020;
 - + Thông qua triển khai việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS
 - + Thông qua chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của Công ty tại Lâm Đồng
 - + Thông qua tài sản đảm bảo và hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng giao dịch...
 - + Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Thủ thức và nội dung cuộc họp được thực hiện theo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã có những định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của Ban điều hành kịp thời.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

IV. Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành:

- Ban điều hành đã chỉ đạo, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT:
- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 để HĐQT xem xét trình ĐHCĐ thông qua.
 - Triển khai các cuộc họp về kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược của Công ty, tập trung giải quyết các vướng mắc trong quản lý điều hành.
 - Tăng cường giám sát, đốc thúc các Dự án triển khai theo đúng tiến độ đảm bảo kế hoạch lợi nhuận kinh doanh từng kỳ.
 - Tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi các khoản nợ khó đòi, tuy kết quả chưa đạt được nhiều.
 - Phát triển thị trường, khách hàng theo đúng định hướng chiến lược của Công ty.
 - Đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới phục vụ kinh doanh hiện tại và sẵn sàng cho nhu cầu mới của thị trường, khách hàng như các ứng dụng trực tuyến về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tuyển dụng..
 - Điều hành hoạt động kinh doanh ứng phó kịp thời với những tác động của đại dịch Covid-19, đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty như áp dụng các biện pháp phòng dịch linh hoạt.

V. Về giám sát công tác tài chính, kế toán của Công ty:

- Theo kế hoạch định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra chứng từ, sổ liệu tài chính, hệ thống kiểm soát để đưa ra ý kiến đánh giá độc lập về hoạt động kinh doanh và công tác quản trị của Công ty. Các ý kiến, kiến nghị đều được lập thành báo cáo gửi HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện và đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp thuận toàn phần. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 như sau:

+ Về kết quả kinh doanh:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2020 (Tỷ đồng) | Thực hiện 2020 (Tỷ đồng) | Tỷ lệ hoàn thành (%) |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần | 722 | 802,2 | 111,1% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 25 | 31.2 | 124,8% |

So với Kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu doanh thu của Công ty vượt kế hoạch 11%, lợi nhuận sau thuế vượt 24,8%.

+ Về tài sản của Công ty:

| STT | Chỉ tiêu | Số dư tại 31/12/2020 (tỷ đồng) | Tỷ lệ |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| 1 | Tổng tài sản | 1,498.16 | 100.00% |
| | Tài sản ngắn hạn | 1,205.82 | 80.49% |
| | Tài sản dài hạn | 292.34 | 19.51% |
| 2 | Tổng nguồn vốn | 1,498.16 | 100.00% |
| | Nợ ngắn hạn | 635.69 | 42.43% |
| | Vay và nợ dài hạn | 9.17 | 0.61% |
| | Vốn chủ sở hữu | 853.29 | 56.96% |
| | trong đó: Lợi ích CĐ không kiểm soát | 10.61 | 0.71% |

Các chỉ tiêu cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn tốt, cơ cấu vốn và hệ số nợ trong ngưỡng an toàn. Tuy nhiên, nợ phải thu của một số Dự án/Hợp đồng vẫn còn tồn đọng lâu có dấu hiệu khó thu hồi, một số khoản đầu tư góp vốn chưa đem lại hiệu quả

- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với quy định của Ủy ban chứng khoán.
- Công ty đã kê khai, xác định giá trị giao dịch liên kết theo đúng quy định.
- Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát VĐL 50% trở lên với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó đã được rà soát đảm bảo các giao dịch trọng yếu được phê duyệt và trình bày phù hợp theo quy định về công khai lợi ích các bên liên quan.

- Ban kiểm soát về cơ bản nhất trí với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về Báo cáo tài chính năm 2020 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát có lưu ý về chỉ tiêu Tiền (mã số 111) trên BCTC hợp nhất tại ngày 31/12/2020 với số dư hơn 288,8 tỷ đồng trong đó có 231 tỷ đồng là tiền nằm trên tài khoản phong tỏa theo điều khoản thanh toán của HĐ giữa ELCOM và Khách hàng, số tiền này sẽ được giải tỏa dần theo tiến độ triển khai Hợp đồng. Đến T3/2021, đã giải tỏa được 82,9 tỷ đồng về tài khoản thanh toán.

VI. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Công ty chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2020 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:
Tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát năm 2019: 132 triệu đồng, trong đó Trưởng BKS 5 triệu đồng/tháng, thành viên BKS 3 triệu đồng/tháng.

Các chi phí khác: chi đào tạo cập nhật kiến thức cho Ban Kiểm soát (3 triệu đồng).

VII. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra. Ban Kiểm soát đã đưa ý kiến đóng góp về hệ thống kiểm soát, quản trị rủi ro của Công ty trước Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp.

VIII. Kiến nghị và kết luận:

Năm 2020, các hoạt động của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCD. HĐQT và Ban điều hành đã có những chỉ đạo kịp thời để duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, vững vàng vượt qua những khó khăn trước tác động của đại dịch Covid -19 và đạt được kết quả vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, ảnh hưởng của đại dịch còn khó lường, HĐQT và Ban điều hành cần tiếp tục tối ưu nguồn lực và tìm kiếm các giải pháp để duy trì sự tăng trưởng bền vững, trong đó lưu ý một số điểm:

- Các khoản nợ phải thu đến hạn thanh toán của các Hợp đồng/Dự án triển khai đã và đang được tích cực đốc thúc thu hồi, tuy nhiên vẫn còn một số khoản nợ có dấu hiệu khó đòi/khó có khả năng thu hồi từ các năm trước cần rà soát hồ sơ để đủ điều kiện trích lập dự phòng, đảm bảo khả năng tài chính lành mạnh.
- Một số khoản đầu tư, góp vốn không hiệu quả qua các năm, Ban điều hành xem xét đề nghị các bên nhận đầu tư cập nhật kế hoạch, phương án kinh doanh, nắm bắt tình hình thực tế để xem xét việc trích lập dự phòng tạo nguồn bù đắp hoặc chuyển nhượng vốn kịp thời.
- Để phục vụ tốt hơn cho công tác kiểm soát và nắm bắt tình hình SXKD kịp thời, Ban điều hành cần duy trì thực hiện định kỳ công tác báo cáo quản lý tình hình kinh doanh, tài chính hàng tháng, quý gửi HĐQT như Quy chế quản trị nội bộ Công ty đã quy định.
- Các quy trình, quy định, cơ chế nên được rà soát, đánh giá thường xuyên hơn để đưa ra điều chỉnh/cải tiến kịp thời, đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, công tác quản trị của Công ty được thiết lập và vận hành hiệu quả.

3. GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC:

- Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc năm 2020 như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Lương, thưởng, thù lao 2020 |
|-----|-----------------------|--|-----------------------------|
| 1 | Phạm Minh Thắng | Tổng Giám đốc, bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020 | 461,300,000 |
| 2 | Phan Chiến Thắng | Chủ tịch HĐQT | 520,000,000 |
| 3 | Trần Hùng Giang | Thành viên HĐQT | 149,500,000 |
| 4 | Nguyễn Mạnh Hải | Thành viên HĐQT | 149,500,000 |
| 5 | Nguyễn Đức Thiện | Thành viên HĐQT | 149,500,000 |
| 6 | Ngô Ngọc Hà | Phó Tổng GĐ/Thành viên HĐQT | 412,100,000 |
| 7 | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT | 120,000,000 |
| 8 | Nguyễn Trung Kiên | Thành viên HĐQT | 40,000,000 |
| 9 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT | 80,000,000 |
| 10 | TỔNG | | 2,081,900,000 |

4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO:

- Công tác quản lý rủi ro dưới tác động của đại dịch Covid-19

Năm 2020, ứng phó trước những thay đổi tác động bởi đại dịch Covid-19 đã khiến Ban Lãnh đạo Công ty tập trung hơn vào quản lý khủng hoảng, hoạt động liên tục để thích ứng với các thay đổi liên tục trong kinh doanh và xã hội. Để làm tốt điều đó, không thể thiếu tầm nhìn về quản trị và phát triển tổ chức, trong đó ưu tiên 2 điểm:

- Quản lý nguồn lực: Ứng phó với đại dịch Covid-19 đã bổ sung thêm vào sự phức tạp của việc quản lý nguồn lực khi doanh nghiệp phải đổi mới với nguy cơ dừng hoạt động, phá sản, hay thiếu hụt nguồn tiền, chuỗi cung ứng, sự chuyển dịch lao động khỏi nơi làm việc quen thuộc ... Sự cắt giảm lương, ngừng việc, cắt giảm nhân sự gây ra bởi đại dịch có thể kéo dài từ ngày đến tuần thậm chí hàng tháng. Sự gián đoạn trong quản lý nguồn lực và ảnh hưởng của chúng đến tinh thần, năng suất và văn hóa nơi làm việc có thể tác động đến Công ty cả về ngắn hạn và dài hạn.

- Đổi mới đột phá: trước áp lực phải tìm cách hoạt động hiệu quả trong bối cảnh những giới hạn liên đến đại dịch, Doanh nghiệp sẽ cần tiếp nhận những công nghệ mới, những cải cách mới, ít nhất là trong thời gian ngắn. Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rõ doanh nghiệp nào được trang bị công nghệ mới và trở thành người tiên phong sẽ có cơ hội tốt nhất để thành công. Điều này đòi hỏi công tác quản lý không chỉ dừng ở việc hiểu và

thúc đẩy thực hiện các đổi mới đột phá mà còn phải nuôi dưỡng từ khi hình thành ý tưởng.

Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty đã nhìn nhận các vấn đề có thể xảy ra và chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản ứng phó với khó khăn cũng như đón nhận cơ hội mới, cụ thể:

Nguy cơ thiệt hại:

- Giảm cách xã hội dẫn đến nguy cơ triển khai dự án/Hợp đồng bị chậm tiến độ do phía Khách hàng, nhà cung cấp và bản thân nguồn lực của Công ty.
- Khi giãn cách, Người lao động phải làm việc tại nhà, do đó cần đưa ra các biện pháp để duy trì năng suất, hiệu quả làm việc. Đảm bảo công nghệ của Công ty và các thiết bị quản lý có đủ để hỗ trợ cho làm việc tại nhà và ngăn ngừa được rủi ro về thất thoát các tài sản vô hình (thuộc về trí tuệ, thiết kế..) của Công ty. Ngoài ra, nguy cơ người lao động bị tác động bởi nhu cầu tuyển dụng và văn hóa làm việc của DN khác sẽ cao hơn.
- Để tiết giảm chi phí và phòng ngừa dịch bệnh cần phải cắt giảm một số hoạt động không quan trọng trong các hoạt động hàng năm của Công ty.
- Khả năng đối thủ cạnh tranh phát hiện được những cơ hội mới về sản phẩm, dịch vụ, và chiếm lĩnh thị trường mới.
- Nguy cơ về khả năng hoạt động liên tục có thể xảy ra nếu không chuẩn bị sẵn sàng về nguồn cung, tài chính, nhân lực, phương tiện và môi trường làm việc trong điều kiện giãn cách.

Cơ hội mới:

- Áp lực chuyển đổi tạo ra sự gia tăng tốc độ trong tiếp nhận và sáng tạo công nghệ mới chỉ trong vài tháng thay vì vài năm. Ảnh hưởng ngắn và dài hạn của cuộc đua tạo công nghệ đột phá sẽ rất đa dạng và phức tạp để đoán trước do việc nghiên cứu phát triển công nghệ là khó xác định ngay cả trong điều kiện tốt nhất. Điều này vừa là thách thức vừa là cơ hội cho Công ty trong nắm bắt và phát triển đầu tư các phần mềm, ứng dụng công nghệ mới và tung ra thị trường các sản phẩm đã hoàn thiện.
- Thay đổi quy trình kinh doanh, văn hóa và trải nghiệm khách hàng ở tốc độ chóng mặt để đáp ứng thị trường trong thời kỳ hậu Covid-19 có thể dẫn đến những nguy cơ mới nhưng cũng có thể tạo ra kết quả vượt mong đợi. Có thể đánh giá, năm 2020 Công ty đã vững vàng vượt qua được những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên phạm vi thế giới và trong nước mà chưa phải thực hiện đến các biện pháp cắt giảm nhân sự, hoặc giảm tiền lương và lợi ích của người lao động, đồng thời nắm bắt thêm được một số cơ hội để tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm như phần mềm trực tuyến về giáo dục, khám bệnh từ xa, video streaming, thiết bị làm việc tại nhà, thiết bị y tế chăm sóc sức khỏe...

Tuy nhiên, những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 chưa thể dự đoán hết cũng như trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang dần thích nghi với trạng thái 'bình thường mới', Ban Lãnh đạo Công ty cần phải tiếp tục cân bằng chiến lược tối ưu chi phí mà không gây ảnh hưởng tới hoạt động doanh nghiệp, đồng thời chuyển hướng đầu tư cho các yếu tố giúp tăng trưởng bền vững. Để chuẩn bị cho những khủng hoảng trong tương lai có thể xảy ra, đây chính là thời điểm thích hợp để xem xét lại các lĩnh vực Công ty ưu tiên, tìm kiếm sự khác biệt trong chuỗi giá trị và đào tạo nhân viên sẵn sàng cho những thay đổi mới.

- Đánh giá những rủi ro có thể ảnh hưởng đến Công ty năm 2021

Những năm sắp tới, Ban Lãnh đạo Công ty dự kiến các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty gồm:

1. Rủi ro an ninh mạng: Sự phát triển của tấn công mạng trên phạm vi rộng và tinh vi làm suy yếu về thương hiệu, danh tiếng của tổ chức, thường dẫn đến thiệt hại về tài chính. Công ty cần chuẩn bị sẵn sàng trong việc quản lý các đe dọa tấn công mạng như kiểm soát phần mềm cài đặt, mã hóa dữ liệu, phần mềm chống mã độc và các lối bảo mật khác...
 2. Rủi ro quản trị dữ liệu: sự phát triển công nghệ và thay đổi về quy định khiến sự phụ thuộc của các tổ chức về dữ liệu ngày càng sâu rộng và phức tạp. Do vậy Công ty đã đưa việc quản lý dữ liệu (cách thu thập, sử dụng, lưu trữ, đảm bảo an toàn).. vào tầm chiến lược thông qua thiết lập và phát triển vững mạnh năng lực an ninh mạng và quản trị dữ liệu, đặc biệt ở những mảng trọng yếu như quản lý tài chính, nhân sự, quản lý khách hàng.
 3. Rủi ro quản lý nhân lực: nền kinh tế tự do thương mại, điều kiện lao động năng động, ảnh hưởng liên tục của thời đại kỹ thuật số đang định hình lại công việc, khiến Công ty phải đổi mới với việc xác định nhu cầu tuyển dụng, hoàn thiện kỹ năng và duy trì nguồn nhân lực để đạt được mục tiêu đề ra. Trong đó ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo năng lực làm việc mới cho đội ngũ lao động để thay đổi phù hợp với thời đại kỹ nguyên số, bảo đảm dai ngộ, phúc lợi cho người lao động, tạo môi trường làm việc tốt và có cơ hội, không gian phát triển.
 4. Rủi ro quản lý kinh doanh liên tục và khủng hoảng: Rủi ro này kiểm tra khả năng của Công ty về chuẩn bị, ứng phó và phục hồi khi đổi mới với những thách thức cụ thể từ xâm phạm mạng, đại dịch đến những scandal ảnh hưởng danh tiếng ...
 5. Rủi ro quản trị tổ chức: công tác quản trị như hệ thống quy định, quy trình và kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của tổ chức, nó có thể phát huy hoặc làm suy yếu đến việc đạt được mục tiêu của Công ty.
 6. Rủi ro từ bên thứ 3: để thành công, cần phải duy trì mối quan hệ lành mạnh giữa Công ty với các đối tác và nhà cung cấp. Điều này khiến Công ty phải xem xét cân nhắc trong việc đánh giá các nhà cung cấp, đối tác, khách hàng trước khi tiến hành đàm phán, thỏa thuận.
 7. Rủi ro phát triển bền vững: sự phát triển nhận thức về môi trường, xã hội và quản trị ngày càng ảnh hưởng đến các quyết định của Công ty. Điều này yêu cầu Công ty phải thiết lập chiến lược trong xác định các mục tiêu ưu tiên để phát triển bền vững về dài hạn.
 8. Rủi ro đổi mới đột phá: trong kỷ nguyên của các mô hình cải tiến kinh doanh, Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các công nghệ mang tính sáng tạo/đột phá, theo đó cần chuẩn bị sẵn sàng để thích ứng và/hoặc tận dụng ưu thế.
 9. Rủi ro thay đổi của môi trường kinh tế và chính trị: trong môi trường kinh tế, chính trị năng động và tiềm ẩn nhiều thay đổi, các hiệp định thương mại đa quốc gia, chính sách thuế.. có thể tạo ra những thay đổi tích cực hoặc tiêu cực trong thị trường Công ty đang hoạt động.
 10. Rủi ro về văn hóa: Quản lý được rủi ro này yêu cầu Ban Lãnh đạo Công ty cần có hiểu biết, giám sát và quản lý được tinh thần, động lực và hành vi thực hiện của toàn tổ chức theo cách thức mong muốn.
- Trong các loại rủi ro nêu trên, vấn đề về an ninh mạng, quản lý nhân lực, quản lý khủng hoảng và kinh doanh liên tục được xếp vào danh mục ưu tiên cho năm 2021. Những ảnh hưởng gây ra bởi đại dịch Covid-19 cũng như sự phụ thuộc ngày càng tăng vào công nghệ và dữ liệu số đã khiến Ban Lãnh đạo Công ty đưa các loại rủi ro này lên vị trí hàng đầu để kiểm soát.

Phần 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | |
|---|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | Trang |
| | 57 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập | 60 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 62 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 65 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 66 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 68 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 02 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám mươi bốn nghìn ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được giao dịch tại sàn HOSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|--------------------------|-------------------------------|
| Ông Phan Chiến Thắng | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Trần Hùng Giang | Thành viên |
| Ông Ngô Ngọc Hà | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đức Thiện | Thành viên |
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | Thành viên |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên |
| | Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2020 |
| | Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2020 |

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| Bà Ngô Kiều Anh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Bà Vũ Thị Ngân Hà | Thành viên Ban kiểm soát |
| Bà Hoàng Thị Phương Thúy | Thành viên Ban kiểm soát |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|-------------------|-------------------------------|
| Ông Phan Chiến Thắng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2020 |
| Ông Phạm Minh Thắng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020 |
| Ông Ngô Ngọc Hà | Phó Tổng Giám đốc | |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Hạnh

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0726-2018-133-1

Kiểm toán viên



Hoàng Thị Khánh Vân

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 0371-2018-133-1
số 0726-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Đơn vị tính VNĐ | | | | |
|-----------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.205.815.319.102 | 1.111.580.805.021 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 305.194.698.884 | 43.233.704.656 |
| 111 | 1. Tiền | | 288.814.698.884 | 34.274.492.095 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 16.380.000.000 | 8.959.212.561 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4.a | 23.922.295.740 | 12.912.295.740 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 67.295.740 | 4.257.295.740 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | | | |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 23.855.000.000 | 8.655.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 643.216.523.353 | 833.716.099.894 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 544.086.916.320 | 701.026.066.617 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 87.833.842.603 | 99.644.618.414 |
| 133 | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | - | - |
| 134 | 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | - | - |
| 135 | 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7.a | 18.842.000.000 | 23.142.000.000 |
| 136 | 6. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 31.723.215.864 | 35.539.198.169 |
| 137 | 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 9 | (39.269.451.434) | (25.635.783.306) |
| 139 | 8. Tài sản thiếu chò xử lý | | - | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 10 | 232.086.855.136 | 220.602.838.433 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 232.086.855.136 | 220.602.838.433 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.394.945.989 | 1.115.866.298 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 15.a | 570.526.862 | 294.664.205 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 800.687.938 | 821.202.093 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 19 | 23.731.189 | - |
| 154 | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | - | - |
| 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 292.342.684.894 | 301.775.568.171 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 181.700.000 | 181.700.000 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | | - | - |
| 213 | 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | - | - |
| 214 | 4. Phải thu nội bộ dài hạn | | - | - |
| 215 | 5. Phải thu về cho vay dài hạn | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Đơn vị tính VNĐ | | | | |
|-----------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 216 | 6. Phải thu dài hạn khác | | 181.700.000 | 181.700.000 |
| 219 | 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 66.946.209.283 | 81.023.827.337 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | | 12 | 64.217.613.459 |
| 222 | - Nguyên giá | | | 77.598.222.955 |
| 223 | - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | | (118.978.619.939) | (112.081.560.836) |
| 225 | - Nguyên giá | | | - |
| 226 | - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | | - | - |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | | 13 | 2.728.595.825 |
| 228 | - Nguyên giá | | | 3.425.604.382 |
| 229 | - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | | (5.104.746.432) | (4.407.737.875) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | 8.038.288.648 | 2.439.124.331 |
| 231 | - Nguyên giá | | | 10.190.534.149 |
| 232 | - Giá trị hao mòn luỹ kế (*) | | (2.152.245.501) | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 15 | 246.601.885 | 341.791.885 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | | 246.601.885 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4.b | 213.155.316.940 | 214.300.712.759 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | 97.580.633.907 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | 123.357.748.457 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | | (7.783.065.424) | (6.678.406.725) |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | 15.b | 3.774.568.138 | 3.488.411.859 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | | 3.435.247.419 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | 339.320.719 |
| 263 | 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | - | - |
| 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 269 | 5. Lợi thế thương mại | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.498.158.003.996 | 1.413.356.373.192 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính VNĐ

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 644.865.449.194 | 589.770.160.871 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 635.692.672.512 | 562.902.909.447 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 17 | 282.417.078.702 | 435.765.322.425 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 240.248.825.171 | 55.406.209.481 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 19 | 10.297.574.765 | 7.939.562.166 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 8.534.665.484 | 6.761.073.067 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 20 | 5.953.012.165 | 1.067.458.831 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 22 | 662.758.335 | 694.256.833 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 21 | 19.694.403.077 | 3.734.698.893 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 16 | 63.238.059.999 | 45.689.365.010 |
| 321 | 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 23.a | 798.275.172 | 613.885.213 |
| 322 | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 3.848.019.642 | 5.231.077.528 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 9.172.776.682 | 26.867.251.424 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 21.b | 1.603.790.400 | 1.528.812.400 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 16.b | 5.791.188.423 | 23.358.025.745 |
| 342 | 3. Dự phòng phải trả dài hạn | 23.b | 1.777.797.859 | 1.980.413.279 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 24 | 853.292.554.802 | 823.586.212.321 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 509.282.430.000 | 509.282.430.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 509.282.430.000 | 509.282.430.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 88.677.010.000 | 88.677.010.000 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ (*) | | (3.349.334.820) | (3.349.334.820) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 41.410.255.576 | 41.410.255.576 |
| 420 | 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 201.462.354.663 | 171.152.698.406 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 169.659.698.407 | 141.292.024.191 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 31.802.656.256 | 29.860.674.215 |
| 429 | 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 10.609.839.384 | 11.213.153.159 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.498.158.003.996 | 1.413.356.373.192 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26 | 802.240.521.980 | 874.779.551.788 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ | 28 | 7.081.818 | 19.912.160 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | | 802.233.440.162 | 874.759.639.628 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 29 | 666.857.279.950 | 755.009.338.629 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | | 135.376.160.212 | 119.750.300.999 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 30 | 12.713.639.816 | 6.457.738.870 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 31 | 7.038.160.993 | 3.094.213.099 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 4.552.577.118 | 2.360.730.075 |
| 24 | 8. Phàn lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết | | (40.737.120) | 612.875.944 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 32 | 30.884.294.947 | 36.188.376.074 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 33 | 70.810.400.304 | 53.155.263.111 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | | 39.316.206.664 | 34.383.063.529 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 34 | 1.285.621.089 | 4.949.456.351 |
| 32 | 13. Chi phí khác | 35 | 344.453.012 | 249.457.764 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | | 941.168.077 | 4.699.998.587 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | | 40.257.374.741 | 39.083.062.116 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 36 | 8.896.727.612 | 7.884.977.740 |
| 52 | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | 161.304.648 | 486.602.441 |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | | 31.199.342.481 | 30.711.481.935 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 31.802.656.256 | 29.860.674.215 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | (603.313.775) | 850.807.720 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 37 | 628 | 590 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | |

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp Năm 2020

| | | Đơn vị tính VNĐ | | | | Đơn vị tính VNĐ | |
|-------|---|------------------------|-------------------------|--|---|------------------------|-------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU | Năm nay | Năm trước | Mã số | CHỈ TIÊU | Năm nay | Năm trước |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | 40.257.374.741 | 39.083.062.116 | 31 | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | 19.208.933.919 | 19.875.272.100 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | | - | 506.666.667 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định | 11.565.776.797 | 24.384.715.542 | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của | | - | - |
| 03 | - Các khoản dự phòng | 14.720.101.366 | (246.175.070) | doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 04 | - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (713.749.655) | 71.765.846 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 81.284.952.023 | 92.441.055.465 |
| 05 | - (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | (11.010.961.707) | (6.695.764.293) | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (81.303.094.356) | (160.497.462.642) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | 4.552.577.118 | 2.360.730.075 | 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | | - | - |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | 95.190.000 | | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 59.466.308.660 | 58.958.334.216 | 40. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (18.142.333) | (67.549.740.510) |
| 09 | - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 177.023.996.026 | (355.083.570.020) | 50. Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 261.960.994.228 | (62.422.131.168) |
| 10 | - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | (11.484.016.703) | (54.148.483.715) | 60. Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 43.233.704.656 | 105.654.744.462 |
| 11 | - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 51.499.195.403 | 386.919.804.028 | 61. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | 1.091.362 |
| 12 | - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | (723.323.583) | 916.750.543 | 70. Tiền và tương đương tiền cuối năm | | 305.194.698.884 | 43.233.704.656 |
| 13 | - (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh | 4.190.000.000 | 10.000.000.000 | | | | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | (1.484.811.581) | (2.360.730.075) | | | | |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | (10.919.242.635) | (2.263.958.644) | | | | |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 1.392.000 | - | | | | |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (2.876.057.886) | (1.221.220.150) | | | | |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 264.693.439.701 | 41.716.926.183 | | | | |
| 21 | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | | | |
| | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | (921.402.726) | (15.149.154.659) | | | | |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 645.454.545 | 1.887.764.131 | | | | |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác | (17.745.582.125) | (11.732.000.000) | | | | |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 6.700.000.000 | 32.185.000.000 | | | | |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (50.072.338.838) | | | | |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 8.607.227.166 | 6.291.412.525 | | | | |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (2.714.303.140 | (36.589.316.841) | | | | |

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 02 tháng 06 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRONICS COMMUNICATIONS TECHNOLOGY INVESTMENT DEVELOPMENT CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám mươi bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được giao dịch tại sàn HOSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số cán bộ công nhân viên : 201 người

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRONICS COMMUNICATIONS TECHNOLOGY INVESTMENT DEVELOPMENT CORPORATION.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|---------------------------------|-------------|
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 05 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 03 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông và các Công ty con, bao gồm:

| TT | Tên công ty | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ trụ sở chính |
|----|--|---------------|------------------|---|
| | Công ty con | | | |
| 1 | Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom | 100% | 100% | Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| 2 | Công ty Cổ phần Elcom plus | 92,86% | 92,86% | Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| 3 | Công Ty TNHH VTS Hải Phòng | 65% | 65% | Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| 4 | Công ty CP ELCOMPRIME | 70% | 70% | Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM |
| | Công ty liên kết | | | |
| 1 | Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn | 42,97% | 42,97% | Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn |
| 2 | Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam | 35,40% | 35,40% | Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội |

b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 2.024.101.977 | 2.116.599.309 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 286.790.596.907 | 32.157.892.786 |
| Các khoản tương đương tiền | 16.380.000.000 | 8.959.212.561 |
| Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng | 16.380.000.000 | 8.959.212.561 |
| Cộng | 305.194.698.884 | 43.233.704.656 |

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND và hưởng mức lãi suất bình quân 4,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Chứng khoán kinh doanh | 67.295.740 | - | 4.257.295.740 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 67.295.740 | - | 67.295.740 | - |
| Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát | - | - | 4.190.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 23.855.000.000 | - | 8.655.000.000 | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 23.855.000.000 | - | 8.655.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội | 5.875.000.000 | - | 5.875.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN | 8.300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô | 2.200.000.000 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thăng Long | 5.000.000.000 | - | - | - |
| Ngân hàng Indovinabank | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Bưu diện Liên Việt | 1.480.000.000 | - | 1.480.000.000 | - |
| Cộng | 23.922.295.740 | - | 12.912.295.740 | - |

(*) Bao gồm khoản tiền gửi đồng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 4,45% /năm đến 7,3% /năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| b. Đầu tư tài chính dài hạn | | Giá gốc | Số cuối năm | GT dự phòng | GT hợp lý | Giá gốc | Số đầu năm | GT dự phòng | GT hợp lý |
|---|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết | SL cổ phiếu | 97.580.633.907 | | - | 97.580.633.907 | 97.621.371.027 | | - | 97.621.371.027 |
| Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn | 626.074 | 5.841.553.809 | | - | 5.841.553.809 | 5.841.580.954 | | | 5.841.580.954 |
| Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam | 2.124.100 | 91.739.080.098 | | | 91.739.080.098 | 91.779.790.073 | | | 91.779.790.073 |
| Đầu tư khác | | 123.357.748.457 | (7.783.065.424) | 115.574.683.033 | 123.357.748.457 | (6.678.406.725) | 116.679.341.732 | | |
| Đầu tư cổ phiếu | | 78.933.482.500 | (7.783.065.424) | 71.150.417.076 | 78.933.482.500 | (6.678.406.725) | 61.227.319.573 | | |
| Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh | 1.250.000 | 28.590.000.000 | (1.843.580.622) | | 26.746.419.378 | 28.590.000.000 | (1.724.290.348) | | 26.865.709.652 |
| Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông | 840.000 | 6.000.000.000 | | | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | | | 6.000.000.000 |
| Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện Sáng kiến | 87.496 | 2.148.349.500 | | | 2.148.349.500 | 2.148.349.500 | | | 2.148.349.500 |
| Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex | 19.095 | 115.000.000 | | | 115.000.000 | 115.000.000 | | | 115.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh | 36.000 | 360.000.000 | (360.000.000) | | - | 360.000.000 | (360.000.000) | | - |
| Công ty CP Trung Văn | 371.699 | 26.985.200.000 | (903.127.572) | | 26.082.072.428 | 26.985.200.000 | (886.939.579) | | 26.098.260.421 |
| Công ty CP Atani Holdings | 1.473.493 | 14.734.933.000 | (4.676.357.230) | | 10.058.575.770 | 14.734.933.000 | (3.707.176.798) | | 11.027.756.202 |
| Đầu tư dài hạn khác | | 44.424.265.957 | | - | 44.424.265.957 | 44.424.265.957 | | - | 44.424.265.957 |
| Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (*) | | 37.771.500.000 | | | 37.771.500.000 | 37.771.500.000 | | | 37.771.500.000 |
| Công ty CP TRANSMEDIA | | 400.000.000 | | | 400.000.000 | 400.000.000 | | | 400.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì | | 5.862.765.957 | | | 5.862.765.957 | 5.862.765.957 | | | 5.862.765.957 |
| Công ty TNHH Luckybest Việt Nam | | 390.000.000 | | | 390.000.000 | 390.000.000 | | | 390.000.000 |
| Cộng các khoản đầu tư | | 220.938.382.364 | (7.783.065.424) | 213.155.316.940 | 220.979.119.484 | (6.678.406.725) | 214.300.712.759 | | |

(*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD 2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC - TLX ký với Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a. Phải thu khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Sở TT & truyền thông tỉnh Bắc Ninh | 9.144.117.110 | 72.544.117.110 |
| Công ty TNHH thu phí tự động VETC | 40.126.047.638 | 36.148.416.446 |
| Công ty TNHH KTCN cao QT Global | 8.935.044.000 | 25.135.044.000 |
| Công ty CP TM & DV Công nghệ GTSC VN | - | 303.412.081.200 |
| TĐ Viễn thông QĐ /Viettel | 61.922.079.301 | 17.846.327.583 |
| TCT HT mạng /VNPT NET | 15.534.200.000 | 15.534.200.000 |
| Cty CP N.D.C | 106.908.326.101 | - |
| Cục Hàng Hải Việt Nam | 266.437.581 | 16.808.672.044 |
| Công ty Comverse Limited | - | 15.642.085.000 |
| Các đối tượng khác | 301.250.664.589 | 197.955.123.234 |
| | 544.086.916.320 | 701.026.066.617 |

b. Phải thu các bên liên quan

| Mối quan hệ | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Cty CP Atani Holdings | 6.500.437.591 | 6.500.437.591 |
| Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn | 597.770.779 | 597.770.779 |
| | 7.098.208.370 | 7.098.208.370 |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Hudson Capital Holding Ltd | - | 8.420.353.500 |
| Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH | 2.840.872.250 | 2.840.872.250 |
| Các đối tượng khác | 84.992.970.353 | 88.383.392.664 |
| | 87.833.842.603 | 99.644.618.414 |

Trả trước cho các bên liên quan

| Mối quan hệ | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trần Hùng Giang (*) | - | |
| Nguyễn Thị Lê Thúy (*) | - | |
| Thành viên HĐQT | 4.030.000.000 | 4.030.000.000 |
| Vợ ông Phan Chiến | 5.980.000.000 | 5.980.000.000 |
| Thắng - Chủ tịch HĐQT | - | |
| Thành viên HĐQT | 2.990.000.000 | 2.990.000.000 |
| | 13.000.000.000 | 13.000.000.000 |

(*) Đây là khoản trả trước của Công ty cho các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội .

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | Số cuối năm Giá trị VND | Dự phòng VND | Số đầu năm Giá trị VND | Dự phòng VND |
|-------------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | | |
| Cty CP CN vật liệu mới | 9.400.000.000 | (9.400.000.000) | 11.900.000.000 | (9.400.000.000) |
| Cho vay khác (*) | 9.442.000.000 | - | 11.242.000.000 | - |
| | 18.842.000.000 | (9.400.000.000) | 23.142.000.000 | (9.400.000.000) |

Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm Giá trị VND | Dự phòng VND | Số đầu năm Giá trị VND | Dự phòng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|
| a. Phải thu khác ngắn hạn | | | | |
| Tạm ứng | 7.233.487.135 | - | 11.105.114.777 | - |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 5.824.405.770 | - | 8.354.393.807 | - |
| Phải thu khác ngắn hạn (*) | 18.665.322.959 | (6.461.845.048) | 16.079.689.585 | (6.611.845.048) |
| b. Phải thu khác dài hạn | | | | |
| Phải thu khác | 181.700.000 | - | 181.700.000 | - |
| | 181.700.000 | - | 181.700.000 | - |
| | 31.904.915.864 | (6.461.845.048) | 35.720.898.169 | (6.611.845.048) |

(*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác :

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm | 1.460.997.489 | 1.919.360.446 |
| Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn | 3.539.885.279 | 3.689.885.279 |
| Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009) | 1.005.750.000 | 1.005.750.000 |
| Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry) | 1.916.209.769 | 1.916.209.769 |
| Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông | 1.680.000.000 | 1.200.000.000 |
| Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác | 4.562.480.422 | 1.848.484.091 |
| | 18.665.322.959 | 16.079.689.585 |

b. Số dư với các bên liên quan

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn | 3.539.885.279 | 3.689.885.279 |
| Công ty liên kết | 3.539.885.279 | 3.689.885.279 |

9. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Đơn vị tính : VND |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| | VND | VND | VND | VND | |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | | |
| Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn | 4.137.656.058 | - | 4.287.656.058 | - | |
| Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới | 13.711.247.702 | - | 16.211.247.702 | 2.500.000.000 | |
| Tập đoàn Viễn thông Quân Đội | 61.922.079.301 | 49.072.723.441 | 17.846.327.583 | 12.492.595.803 | |
| TCT HT mạng/VNPT NET | 15.534.200.000 | 10.873.940.000 | - | - | |
| Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam | 12.943.377.077 | 11.815.871.980 | - | - | |
| Đối tượng khác | 2.783.426.717 | - | 2.283.147.766 | - | |
| | 111.031.986.855 | 71.762.535.421 | 40.628.379.109 | 14.992.595.803 | |

10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|--|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| | VND | VND | VND | VND | |
| Hàng mua đang đi đường | - | | | | |
| Nguyên liệu , vật liệu | 2.532.000 | | 14.500.000 | | |
| Công cụ , dụng cụ | | | 2.532.000 | | |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 171.644.574.712 | | 152.975.852.515 | | |
| Thành phẩm | 14.503.858.750 | | 9.552.555.610 | | |
| Hàng hoá | 45.935.889.674 | | 58.057.398.308 | | |
| | 232.086.855.136 | - | 220.602.838.433 | - | |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng , kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm : 0 VND .

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp , cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 0 VND

11. TÀI SẢN DỞ DÀNG DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | |
|-------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| | VND | VND | VND | VND | |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | | |
| Dự án Từ Liêm (*) | | 246.601.885 | | 246.601.885 | |
| Dự án khác | | - | | 95.190.000 | |
| | 246.601.885 | - | 341.791.885 | | |

(*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai , xã Phú Diễn , huyện Từ Liêm , thành phố Hà Nội .

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Khoản mục | Nhà cửa | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị DCQL | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên giá TSCĐ | 63.840.597.258 | 10.759.498.545 | 37.262.724.141 | 228.350.000 | 189.679.783.791 | |
| Số dư đầu năm | 77.588.613.847 | 63.840.597.258 | 52.000.000 | 601.589.091 | 2.103.194.368 | 4.341.443.460 |
| Số tăng trong năm | - | 52.000.000 | 601.589.091 | 1.584.660.001 | 849.073.969 | 3.087.323.061 |
| - Mua trong năm | | | | | | |
| - Đầu tư XCDB hoàn thành | | | | | | |
| - Tăng Khác | | | | | | |
| Số giảm trong năm | | | | | | |
| - Chuyển sang BBS đầu tư | | | | | | |
| - Thanh lý , nhượng bán | | | | | | |
| - Điều chuyển sang đơn vị khác | | | | | | |
| - Giảm khác | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 69.837.204.029 | 62.638.476.859 | 9.541.624.000 | 38.847.384.142 | 2.331.544.368 | (1.254.120.399) |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 21.042.357.505 | 6.871.136.766 | 22.807.256.747 | 25.372.224 | 112.081.560.836 | |
| Số dư đầu năm | 2.820.539.498 | 512.031.092 | 1.126.053.532 | 5.858.709.588 | 1.613.261.727 | 11.930.595.437 |
| Số tăng trong năm | 2.820.539.498 | 512.031.092 | 1.126.053.532 | 5.858.709.588 | 551.434.530 | 10.868.768.240 |
| - Khấu hao trong năm | | | | | | |
| - Tăng Khác | | | | | | |
| Số giảm trong năm | | | | | | |
| - Chuyển sang BBS đầu tư | | | | | | |
| - Thanh lý , nhượng bán | | | | | | |
| - Điều chuyển sang đơn vị khác | | | | | | |
| - Giảm khác | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 21.710.651.502 | 60.785.641.489 | 28.665.966.335 | 1.638.633.951 | 118.978.619.939 | |
| Giá trị còn lại | 56.546.256.342 | 2.505.159.664 | 3.888.361.779 | 14.455.467.394 | 202.977.776 | 77.598.222.955 |
| Tai ngày đầu năm | | | | | | |
| Tai ngày cuối năm | 48.126.552.527 | 1.852.835.370 | 3.363.897.338 | 10.181.417.807 | 692.910.417 | 64.217.613.459 |
| | | | | | | |

- Nguyên giá TSCD hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020:

90.573.853.344 VND

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Khoản mục | Phần mềm | TSCĐ khác | Cộng | Đơn vị tính : VND |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|-------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số đầu năm | 7.088.902.376 | 744.439.881 | 7.833.342.257 | |
| Số tăng trong năm | - | - | - | |
| Số giảm trong năm | - | - | - | |
| Số cuối năm | 7.088.902.376 | 744.439.881 | 7.833.342.257 | |
| GIÁ TRỊ HAO MÔN LỦY KẾ | | | | |
| Số đầu năm | 4.366.132.676 | 41.605.199 | 4.407.737.875 | |
| Số tăng trong năm | 690.552.578 | 6.455.979 | 697.008.557 | |
| - Khấu hao trong năm | 690.552.578 | 6.455.979 | 697.008.557 | |
| Số giảm trong năm | - | - | - | |
| Số cuối năm | 5.056.685.254 | 48.061.178 | 5.104.746.432 | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.722.769.700 | 702.834.682 | 3.425.604.382 | |
| Tại ngày cuối năm | 2.032.217.122 | 696.378.703 | 2.728.595.825 | |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay : 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng : 8.459.639.881 VND

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Cộng | Đơn vị tính : VND |
|--------------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số đầu năm | 2.439.124.331 | 2.439.124.331 | |
| Số tăng trong năm | 7.751.409.818 | 7.751.409.818 | |
| - Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang | 7.751.409.818 | 7.751.409.818 | |
| Số giảm trong năm | - | - | |
| Số cuối năm | 10.190.534.149 | 10.190.534.149 | |
| GIÁ TRỊ HAO MÔN LỦY KẾ | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Số tăng trong năm | 2.152.245.501 | 2.152.245.501 | |
| - Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang | 2.152.245.501 | 2.152.245.501 | |
| Số giảm trong năm | - | - | |
| Số cuối năm | 2.152.245.501 | 2.152.245.501 | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.439.124.331 | 2.439.124.331 | |
| Tại ngày cuối năm | 8.038.288.648 | 8.038.288.648 | |

- Giá trị còn lại cuối năm của BDS đầu tư đang thế chấp các khoản vay : 3.129.237.304 VND
- Nguyên giá BDS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá : 0 VND

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | | |
| - Chi phí bảo hiểm , chi phí thuê kho , chi phí khác | 570.526.862 | 294.664.205 |
| | 570.526.862 | 294.664.205 |
| b Dài hạn | | |
| - Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ | 2.136.074.055 | 1.282.949.591 |
| - Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ | 1.299.173.364 | 1.704.836.902 |
| | 3.435.247.419 | 2.987.786.493 |

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | Số cuối năm | Khả năng trả nợ | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| a. Vay ngắn hạn | | | | | |
| - Vay Ngân hàng | 63.238.059.999 | 63.238.059.999 | 98.768.789.341 | 81.220.094.352 | 45.689.365.010 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (VND) (1) | 40.316.909.999 | 40.316.909.999 | 78.127.389.341 | 62.220.094.352 | 24.409.615.010 |
| | 24.668.167.587 | 24.668.167.587 | 61.950.157.428 | 57.608.604.847 | 20.326.615.006 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (2) | 15.565.742.408 | 15.565.742.408 | 15.565.742.408 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| | 83.000.004 | 83.000.004 | 611.489.505 | 611.489.505 | 83.000.004 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (VND) (1) | 22.921.150.000 | 22.921.150.000 | 20.641.400.000 | 19.000.000.000 | 21.279.750.000 |
| | 22.921.150.000 | 22.921.150.000 | 20.641.400.000 | 19.000.000.000 | 21.279.750.000 |
| b. Vay dài hạn | | | | | |
| - Vay dài hạn Ngân hàng BIDV | 5.791.188.423 | 5.791.188.423 | 3.157.562.682 | 20.724.400.004 | 23.358.025.745 |
| - Vay dài hạn Ngân hàng TMCP TMV Liên Việt | 5.521.438.434 | 5.521.438.434 | 3.157.562.682 | 20.641.400.000 | 23.005.275.752 |
| | 269.749.989 | 269.749.989 | 83.000.004 | 83.000.004 | 83.000.004 |
| CỘNG | 69.029.248.422 | 69.029.248.422 | 101.926.352.023 | 101.944.494.356 | 69.047.390.755 |

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ciena Communications Inc | 143.039.787.926 | 143.039.787.926 | 2.445.341.552 | 2.445.341.552 |
| Công ty CP Khoa học ứng dụng PPH | 3.075.820.000 | 3.075.820.000 | 46.516.400.000 | 46.516.400.000 |
| Công ty CP uy tín Toàn Cầu | 5.458.780.000 | 5.458.780.000 | 22.918.200.000 | 22.918.200.000 |
| Converse Network Ltd | 45.512.767.523 | 45.512.767.523 | 320.176.823.971 | 320.176.823.971 |
| ISG Technology Pte Ltd | 4.121.553.210 | 4.121.553.210 | 5.374.902.603 | 5.374.902.603 |
| Các đối tượng khác | 81.208.370.043 | 81.208.370.043 | 38.333.654.299 | 38.333.654.299 |
| | 282.417.078.702 | 282.417.078.702 | 435.765.322.425 | 435.765.322.425 |

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | VND | Giá trị | VND |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty CP ĐTXD cơ sở hạ tầng Bình Phước | - | 5.045.000.000 | - | 5.045.000.000 |
| Tổng Công ty Viễn thông Mobifone | - | 24.961.597.082 | - | 24.961.597.082 |
| Công an tỉnh Thanh Hóa | 59.175.631.528 | - | - | - |
| Cục B 05 - Bộ Công An | 164.874.099.411 | - | - | - |
| Các đối tượng khác | 16.199.094.232 | - | 25.399.612.399 | - |
| | 240.248.825.171 | 240.248.825.171 | 55.406.209.481 | 55.406.209.481 |

| Chi tiêu | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số đã thực nộp trong năm | Số còn phải thu cuối năm | Số còn phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 150.696.340 | 40.268.533.579 | 36.105.007.590 | - |
| Thuế Tiêu thụ đặc biệt | - | - | - | - | - |
| Thuế Xuất nhập khẩu | - | - | - | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 7.311.525.073 | 8.920.441.966 | 864.114.694 | - |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 362.077.130 | 2.991.106.522 | 10.919.242.635 | - |
| Thuế Tài nguyên | - | - | - | - | - |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | - | - | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | - | - | - | - |
| Thuế nhà thầu | - | 2.203.026 | 3.408.398.424 | 3.140.252.278 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 113.060.597 | 9.681.283 | 9.681.283 | - |
| Công | - | 7.939.562.166 | 56.462.276.468 | 54.104.263.869 | - |
| | | | | | 10.297.574.765 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế . Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau , số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế .

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí thực hiện dự án
Chi trả phải trả khác

| Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------|-------------|
| VND | VND |
| 5.529.896.701 | 587.186.165 |
| 423.115.464 | 480.272.666 |

21. PHẢI TRẢ KHÁC

Kinh phí công đoàn
Phải trả cổ tức cho cổ đông
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
Phải trả lãi cho vay
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)
Các khoản phải trả, phải nộp khác
Tạm ứng (Dư Có TK 141)

| Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|
| VND | VND |
| 1.275.842.916 | 1.051.698.416 |
| 825.310.408 | 825.310.408 |
| 8.653.829.185 | 934.764.713 |
| 510.960.272 | 333.437.266 |
| 8.016.930.000 | - |
| 411.530.296 | 589.488.090 |
| 19.694.403.077 | 3.734.698.893 |

(*) Đây là khoản lợi nhuận trước thuế phải trả tạm tính cho Công ty CP N.D.C theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/03/2020 giữa Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - Viễn thông (Elcom corp) và Công ty CP N.D.C (N.D.C). Theo đó 2 bên cùng hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ viễn thông của hãng Ciena cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội Viettel; tỷ lệ lợi nhuận được hưởng: Elcom corp được hưởng 40% lợi nhuận trước thuế, N.D.C được hưởng 60% lợi nhuận trước thuế của dự án.

b. Dài hạn

Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược
Cộng

| Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|
| VND | VND |
| 1.603.790.400 | 1.528.812.400 |
| 1.603.790.400 | 1.528.812.400 |

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn
Cho thuê văn phòng
Cộng

| Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|--------------------|
| VND | VND |
| 662.758.335 | 694.256.833 |
| 662.758.335 | 694.256.833 |

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a. Ngắn hạn

- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

Cộng

b. Dài hạn

- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

Cộng

| Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|
| VND | VND |
| 798.275.172 | 613.885.213 |
| 798.275.172 | 613.885.213 |
| 1.777.797.859 | 1.980.413.279 |
| 1.777.797.859 | 1.980.413.279 |

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Số dư đầu năm trước | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Cộng | VND |
|---|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|
| | | | | | | | | | |
| 509.282.430.000 | 88.677.010.000 | (3.349.334.820) | 41.410.255.576 | 5.200.000.000 | 141.081.159.183 | 10.412.717.545 | 792.714.237.484 | | |
| Tăng vốn trong năm | | | | | | | | | |
| Lãi trong năm | | | | | | 29.860.674.215 | | | 29.860.674.215 |
| Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con | | | | | | | | | 850.807.720 |
| Tăng khác | | | | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | | | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | | | | | | |
| Phân phối lợi nhuận | | | | | | | | | 268.875.000 |
| Giảm khác | | | | | | | | | (319.247.106) |
| Số dư đầu năm nay | 509.282.430.000 | 88.677.010.000 | (3.349.334.820) | 41.410.255.576 | 5.200.000.000 | 171.152.698.406 | 11.213.153.159 | 823.586.212.321 | |
| Tăng vốn trong năm | | | | | | | | | |
| Lãi trong năm | | | | | | 31.802.656.256 | | | 31.802.656.256 |
| Trích lập các quỹ (1) | | | | | | | | | (1.493.000.000) |
| Tăng khác | | | | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | | | | |
| Phân phối lợi nhuận | | | | | | | | | |
| Giảm khác | | | | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 509.282.430.000 | 88.677.010.000 | (3.349.334.820) | 41.410.255.576 | 5.200.000.000 | 201.462.354.663 | 10.609.839.384 | 855.292.554.802 | |
| Trích quỹ khen thưởng | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | 1.493.000.000 |

(1) Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2020/NQ-DHĐCD ngày 28 tháng 04 năm 2020 như sau:

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Năm nay VND | Tỷ lệ % | Năm trước VND | Tỷ lệ % |
|---|------------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn | 40.582.010.000 | 7,97% | 88.466.410.000 | 17,37% |
| - SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERTY | 40.738.220.000 | 8,00% | 40.738.220.000 | 8,00% |
| - PYN ELITE FUND (NON - UCITS) | 33.747.570.000 | 6,63% | 33.747.570.000 | 6,63% |
| - Công ty TNHH Đầu tư DT & T | 31.055.140.000 | 6,10% | 31.055.140.000 | 6,10% |
| - Ông Phan Chiến Thắng | 42.273.060.000 | 8,30% | 42.273.060.000 | 8,30% |
| - Ông Trần Hùng Giang | 29.884.370.000 | 5,87% | 29.884.370.000 | 5,87% |
| - Ông Nguyễn Mạnh Hải | 29.675.150.000 | 5,83% | 29.675.150.000 | 5,83% |
| - Các cổ đông khác | 261.326.910.000 | 51,31% | 213.442.510.000 | 41,91% |
| | 509.282.430.000 | 100% | 509.282.430.000 | 100% |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | , chia lợi nhuận | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | | |
| - Vốn góp đầu năm | | 509.282.430.000 | 509.282.430.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | | - | - |
| - Vốn góp giảm trong năm | | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | | 509.282.430.000 | 509.282.430.000 |

Cổ tức, lợi nhuận:

- Cổ tức , lợi nhuận còn phải trả cuối năm :

| d. Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 50.928.243 | 50.928.243 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 50.928.243 | 50.928.243 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.928.243 | 50.928.243 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 309.595 | 309.595 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 309.595 | 309.595 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 50.618.648 | 50.618.648 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.618.648 | 50.618.648 |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND /CP | | |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 41.410.255.576 | 41.410.255.576 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a. Ngoại tệ các loại**

Đồng đô la Mỹ (USD)

b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hàng hóa | 691.409.355.196 | 763.907.693.714 |
| - Doanh thu bán thành phẩm phần mềm | 25.217.022.000 | 29.512.649.000 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 85.614.144.784 | 81.359.209.074 |
| Cộng | 802.240.521.980 | 874.779.551.788 |

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| - Giảm giá hàng bán | 7.081.818 | |
| - Hàng bán bị trả lại | | 19.912.160 |
| Cộng | 7.081.818 | 19.912.160 |

28. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hàng hóa | 691.402.273.378 | 763.887.781.554 |
| - Doanh thu bán thành phẩm phần mềm | 25.217.022.000 | 29.512.649.000 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 85.614.144.784 | 81.359.209.074 |
| Cộng | 802.233.440.162 | 874.759.639.628 |

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------------|
| - Giá vốn bán hàng hóa | 615.846.154.189 | 715.404.269.134 |
| - Giá vốn bán thành phẩm phần mềm | 4.718.030.952 | 2.551.362.467 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | 46.293.094.809 | 37.053.707.028 |
| Cộng | 666.857.279.950 | 755.009.338.629 |

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| - Lãi tiền gửi , cho vay | 6.661.277.254 | 3.906.601.358 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.896.957.186 | 2.384.811.167 |
| - Lãi từ chênh lệch tỷ giá | 2.155.405.376 | 166.326.345 |
| Cộng | 12.713.639.816 | 6.457.738.870 |

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-------------------------|
| - Lãi tiền vay | 4.552.577.118 | 2.360.730.075 |
| - Lô chênh lệch tỷ giá thực hiện trong năm | 1.380.925.176 | 188.372.907 |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 1.104.658.699 | 545.110.117 |
| Cộng | 7.038.160.993 | 3.094.213.099 |

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

- Chi phí nhân công
 - Chi phí khấu hao
 - Chi phí dự phòng bảo hành
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Chi phí khác bằng tiền
- Cộng**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 21.314.518.908 | 24.535.317.107 |
| | 1.501.895.612 | 381.188.063 |
| | 1.189.938.520 | 2.913.016.985 |
| | 4.582.531.806 | 6.060.919.037 |
| | 2.295.410.101 | 2.297.934.882 |
| Cộng | 30.884.294.947 | 36.188.376.074 |

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Chi phí nguyên , vật liệu, CCDC
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 37.078.963.958 | 28.841.496.550 |
| | 8.656.958.998 | 12.318.923.459 |
| | 13.633.668.128 | 592.759.505 |
| | 8.481.654.000 | 6.802.197.812 |
| | 2.959.155.220 | 4.599.885.785 |
| Cộng | 70.810.400.304 | 53.155.263.111 |

34. THU NHẬP KHÁC

- Thu từ thanh lý , nhượng bán tài sản
 - Thu nhập khác
- Cộng**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 645.454.545 | 404.351.768 |
| | 640.166.544 | 4.545.104.583 |
| Cộng | 1.285.621.089 | 4.949.456.351 |

35. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí khác
- Cộng**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 344.453.012 | 249.457.764 |
| Cộng | 344.453.012 | 249.457.764 |

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo BB quyết toán thuế
Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 8.896.727.612 | 7.858.594.540 |
| | 26.383.200 | |
| | 161.304.648 | 486.602.441 |
| Cộng | 9.058.032.260 | 8.371.580.181 |

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận thuần sau thuế
Các khoản điều chỉnh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | 31.802.656.256 | 29.860.674.214 |
| | - | |
| | 31.802.656.256 | 29.860.674.214 |
| | 50.618.648 | 50.618.648 |
| Cộng | 628 | 590 |

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm :

| Tài sản tài chính | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 305.194.698.884 | - | 43.233.704.656 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 575.991.832.184 | (29.869.451.434) | 736.746.964.786 | (16.235.783.306) |
| Các khoản cho vay | 18.842.000.000 | (9.400.000.000) | 23.142.000.000 | (9.400.000.000) |
| Đầu tư ngắn hạn | 23.922.295.740 | - | 12.912.295.740 | - |
| Đầu tư dài hạn | 220.938.382.364 | (7.783.065.424) | 220.979.119.484 | (6.678.406.725) |
| Nợ phải trả tài chính | 1.144.889.209.172 | (47.052.516.858) | 1.037.014.084.666 | (32.314.190.031) |

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Vay và nợ | 69.029.248.422 | 69.047.390.755 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 303.715.272.179 | 441.028.833.718 |
| Chi phí phải trả | 5.953.012.165 | 1.067.458.831 |
| Cộng | 378.697.532.766 | 511.143.683.304 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan .

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này .

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam .

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty .

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 305.194.698.884 | | 305.194.698.884 | |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 575.810.132.184 | 181.700.000 | 575.991.832.184 | |
| Các khoản cho vay | 18.842.000.000 | - | 18.842.000.000 | |
| Đầu tư ngắn hạn | 23.922.295.740 | | 23.922.295.740 | |
| Đầu tư dài hạn | | 220.938.382.364 | 220.938.382.364 | |
| | 923.769.126.808 | 181.700.000 | 220.938.382.364 | 1.144.889.209.172 |

Số đầu năm

| | | | |
|------------------------------------|------------------------|--------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 43.233.704.656 | | 43.233.704.656 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 736.565.264.786 | 181.700.000 | 736.746.964.786 |
| Các khoản cho vay | 23.142.000.000 | - | 23.142.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 12.912.295.740 | | 12.912.295.740 |
| Đầu tư dài hạn | | 220.979.119.484 | 220.979.119.484 |
| | 815.853.265.182 | 181.700.000 | 220.979.119.484 |
| | | | 1.037.014.084.666 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 63.238.059.999 | 5.791.188.423 | - | 69.029.248.422 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 302.111.481.779 | 1.603.790.400 | - | 303.715.272.179 |
| Chi phí phải trả | 5.953.012.165 | - | - | 5.953.012.165 |
| | 371.302.553.943 | 7.394.978.823 | - | 378.697.532.766 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 45.689.365.010 | 23.358.025.745 | - | 69.047.390.755 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 439.500.021.318 | 1.528.812.400 | - | 441.028.833.718 |
| Chi phí phải trả | 1.067.458.831 | - | - | 1.067.458.831 |
| | 486.256.845.159 | 24.886.838.145 | - | 511.143.683.304 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn .

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh :

| | Thành phẩm phần mềm | Hàng hóa | Dịch vụ | Thành phẩm khác (SP eBop) | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|-----------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 25.217.022.000 | 690.370.771.655 | 86.645.646.507 | - | 802.233.440.162 |
| Giá vốn của các bộ phận | 4.718.030.952 | 614.958.143.740 | 47.181.105.258 | - | 666.857.279.950 |
| Lợi nhuận gộp | 20.498.991.048 | 75.412.627.915 | 39.464.541.249 | - | 135.376.160.212 |
| Tổng chi phí mua tài sản cố định | 25.970.775 | 711.006.409 | 89.235.542 | - | 826.212.726 |
| Tài sản bộ phận | 47.092.381.662 | 1.289.256.275.669 | 161.809.346.666 | - | 1.498.158.003.996 |
| Tổng tài sản | 47.092.381.662 | 1.289.256.275.669 | 161.809.346.666 | - | 1.498.158.003.996 |
| Nợ phải trả các bộ phận | 20.270.391.890 | 554.946.023.796 | 69.649.033.508 | - | 644.865.449.194 |
| Tổng nợ phải trả | 20.270.391.890 | 554.946.023.796 | 69.649.033.508 | - | 644.865.449.194 |

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý :

| | Hà Nội | Hồ Chí Minh | Nước ngoài | Khác | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|-----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 368.775.403.226 | 10.201.615.509 | 6.771.248.358 | 416.492.254.887 | 802.240.521.980 |
| Tài sản bộ phận | 688.676.035.282 | 19.051.184.165 | 12.645.085.416 | 777.785.699.133 | 1.498.158.003.996 |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | 379.794.990 | 10.506.456 | 6.973.584 | 428.937.696 | 826.212.726 |

41. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DỰ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|------------------|
| Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM | Công ty con |
| Công ty CP Elcom Plus | Công ty con |
| Công ty CP Elcom Prime | Công ty con |
| Cty TNHH VTS Hải Phòng | Công ty con |
| Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn | Công ty liên kết |
| Ông Phan Chiến Thắng | Chủ tịch HĐQT |

41. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DỰ BÊN LIÊN QUAN

(tiếp)

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM

- Mua hàng hóa, dịch vụ
- Bù trừ công nợ phải thu khác và phải trả
- Thu tiền lợi nhuận, cổ tức được chia

Công ty CP Elcom Plus

- Mua hàng hóa, dịch vụ
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ
- Bù trừ công nợ
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Plus

Công ty CP Elcom Prime

- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Prime
- Mua hàng hóa, dịch vụ
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ

Cty TNHH VTS Hải Phòng

- Chi phí lãi vay phải trả

Ông Phan Chiến Thắng

Cho công ty thuê văn phòng tại CN TP HCM

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| | 13.500.000 | 5.005.000 |
| | 14.850.000 | 5.005.000 |
| | 18.520.000.000 | 8.470.000.000 |

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| | 37.900.000 | 2.681.402.181 |
| | 693.668.475 | 3.185.754.105 |
| | 482.582.125 | 390.805.000 |
| | 342.727.272 | - |

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| | 345.799.387 | - |
| | 174.231.400 | - |
| | 504.430.287 | - |

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| | 441.483.467 | 195.148.867 |

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| | 300.000.000 | 300.000.000 |

41. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DỰ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

- Giao dịch với các bên liên quan khác như sau :

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT | 2.081.900.000 | 2.885.885.400 |

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác .

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP .

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thanh Minh

Hà Nội , ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng giám đốc

Phạm Minh Thắng

